BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
--------	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2015/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2015*

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 187/2013/NĐ-CP NGÀY 20/11/2013 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI VỀ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HOÁ QUỐC TẾ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ, MUA, BÁN, GIA CÔNG VÀ QUÁ CẢNH HÀNG HOÁ VỚI NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chế biến nông lâm thủy sản và Nghề muối;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nội dung, trình tự, thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản gồm:

1. Xuất khẩu gỗ, sản phẩm gỗ từ rừng tự nhiên trong nước; củi, than làm từ gỗ hoặc củi có nguồn gốc từ gỗ rừng tự nhiên trong nước;

2. Xuất khẩu, nhập khẩu động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm;

3. Xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng;

4. Xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi;

5. Xuất khẩu, nhập khẩu giống thuỷ sản, thủy sản sống làm thực phẩm;

6. Nhập khẩu thuốc, nguyên liệu sản xuất thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật và hoá chất dùng trong thú y, thú y thủy sản (gọi tắt là thuốc thú y);

7. Nhập khẩu sản phẩm và nguyên liệu sản xuất sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản;

8. Nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật và vật thể thuộc danh mục vật thể phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam;

9. Nhập khẩu thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản;

10. Nhập khẩu phân bón;

11. Xuất khẩu, nhập khẩu nguồn gen cây trồng phục vụ nghiên cứu, trao đổi khoa học, kỹ thuật;

12. Xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm có nguồn gốc động vật, thực vật và thủy sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là Thương nhân) có hoạt động liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Gỗ tròn: Bao gồm gỗ nguyên khai, gỗ đẽo tròn, gỗ lóc lõi có đường kính đầu nhỏ từ 10 cm đến dưới 20 cm, chiều dài từ 01 mét trở lên hoặc có đường kính đầu nhỏ từ 20 cm trở lên, chiều dài từ 30 cm trở lên. Riêng đối với gỗ rừng trồng, rừng tràm, rừng đước, rừng ngập mặn có đường kính đầu nhỏ từ 06 cm trở lên, chiều dài từ 01 m trở lên. Đối với gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm không phân biệt kích thước.

2. Gỗ xẻ: Là gỗ đã cưa hoặc xẻ, lạng hoặc bóc.

3. Sản phẩm đồ mộc hoàn chỉnh: Là các loại sản phẩm từ gỗ (bao gồm cả đồ gỗ mỹ nghệ, đồ gỗ cao cấp) được lắp ráp hoàn chỉnh theo công dụng của loại sản phẩm hoặc các chi tiết tháo rời của sản phẩm hoàn chỉnh, khi lắp ráp có thể sử dụng được ngay theo công dụng của sản phẩm đó.

4. Động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm: Là những loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) và những loài thuộc Danh mục động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm do Chính phủ quy định.

5. Giống vật nuôi: Là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người; giống vật nuôi phải có số lượng nhất định để nhân giống và di truyền được những đặc điểm của giống cho thế hệ sau.

Giống vật nuôi được quy định trong Thông tư này bao gồm các giống gia súc, gia cầm, ong, tằm và các sản phẩm giống của chúng như tinh, phôi, trứng, giống, ấu trùng và vật liệu di truyền giống.

6. Thủy sản:

a) Giống thuỷ sản: Là các loài động vật, thực vật thuỷ sản kể cả trứng, phôi, tinh trùng và ấu trùng của chúng sử dụng để sản xuất giống, làm con giống cho nuôi thương phẩm, nuôi làm cảnh, nuôi giải trí.

b) Thuỷ sản sống làm thực phẩm: Là các loài động vật, thực vật thuỷ sản còn sống sử dụng để làm thực phẩm.

c) Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thuỷ sản: Là những chất hoặc hợp chất có nguồn gốc từ khoáng chất, hoá chất, động vật, thực vật, vi sinh vật và các chế phẩm từ chúng được sử dụng để điều chỉnh tính chất vật lý, tính chất hóa học, sinh học của môi trường nuôi trồng thủy sản.

7. Chất chuẩn:

Chất chuẩn (Chemical Standards) là một hoá chất tinh khiết dạng lỏng hay rắn đã biết chính xác nồng độ hay thành phần được dùng để chuẩn hoá một thuốc thử hay hoá chất khác hoặc một dụng cụ đo.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện các quy định về kiểm dịch động vật, thực vật và thủy sản; kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với động vật, thực vật và hàng hóa có nguồn gốc từ động vật, thực vật khi xuất khẩu, nhập khẩu

1. Hàng hoá có tên trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch; Danh mục thủy sản, sản phẩm thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch; Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải được kiểm dịch trước khi thông quan theo quy định của pháp luật.

2. Hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi xuất khẩu, nhập khẩu vào Việt Nam phải thực hiện các quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Sau khi đã thông quan, trong trường hợp hàng hóa không đáp ứng đủ điều kiện về kiểm dịch, chất lượng, an toàn thực phẩm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành. Riêng hàng hóa không đáp ứng đủ điều kiện về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thì buộc phải tái xuất, không được phép thông quan.

Điều 5. Nguyên tắc nhập khẩu trong thời gian chờ bổ sung vào danh mục hàng hoá được phép nhập khẩu không phải xin phép

1. Đối với các loại hàng hoá ngoài danh mục hàng hoá được phép nhập khẩu không phải xin phép, sau khi có kết quả khảo nghiệm hoặc kết quả đánh giá rủi ro được các cơ quan quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản công nhận, Thương nhân được phép nhập khẩu theo nhu cầu, không bị hạn chế về số lượng, giá trị, không phải đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm đăng tải ngay sau khi ban hành văn bản công nhận kết quả khảo nghiệm hoặc kết quả đánh giá rủi ro, danh mục hàng hoá trên trang tin điện tử (website) của đơn vị quản lý chuyên ngành và của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại địa chỉ http://www.mard.gov.vn và gửi tới cơ quan Hải quan.

3. Căn cứ vào kết quả khảo nghiệm, kết quả đánh giá rủi ro, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung vào các danh mục hàng hoá tương ứng.

Điều 6. Quy định chung về trình tự, thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

1. Trình tự và cách thức: Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc gửi qua đường bưu điện.

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ và xem xét, hướng dẫn Thương nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong trường hợp Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ thông qua đường bưu điện.

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc (ngoại trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Nông nghiệp), Cơ quan quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3. Thành phần hồ sơ: Được quy định tại các Điều 9, 12, 13, 15, 18, 21, 24, 26, 28, 30, 31, 32, 33, 34, 35 của Thông tư này.

4. Cách thức nộp phí, lệ phí và trả kết quả cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu:

a) Thương nhân nộp phí, lệ phí theo quy định hiện hành trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc bằng hình thức chuyển khoản, gửi qua đường bưu điện.

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua đường bưu điện theo đề nghị của Thương nhân.

5. Cơ quan thực hiện: Được quy định tại các Điều 9, 12, 13, 15, 18, 21, 24, 26, 28, 30, 31, 32, 33, 34, 35 của Thông tư này.

6. Thời hạn hiệu lực của giấy phép: Giấy phép có giá trị tối đa 01 (một) năm kể từ ngày cấp.

7. Trong trường hợp có quy định khác với các quy định nêu tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 của Điều này thì được thực hiện cụ thể tại các Điều của Chương II Thông tư này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ; CỦI, THAN LÀM TỪ GỖ HOẶC CỦI CÓ NGUỒN GỐC TỪ GỖ RỪNG TỰ NHIÊN TRONG NƯỚC

Điều 7. Cấm xuất khẩu

Cấm xuất khẩu gỗ và sản phẩm chế biến từ gỗ thuộc các trường hợp sau:

1. Gỗ tròn, gỗ xẻ các loại từ rừng tự nhiên trong nước.

2. Xuất khẩu vì mục đích thương mại sản phẩm làm từ gỗ thuộc Nhóm IA do Chính phủ quy định (trừ gỗ là tang vật xử lý tịch thu theo quy định hiện hành của Nhà nước và những trường hợp quy định tại Điều 8 Thông tư này) và Phụ lục I của CITES khai thác từ tự nhiên.

Điều 8. Xuất khẩu theo điều kiện hoặc theo giấy phép

1. Gỗ và sản phẩm chế biến từ gỗ chỉ được xuất khẩu khi có hồ sơ lâm sản hợp pháp theo quy định hiện hành của pháp luật. Khi xuất khẩu, thương nhân kê khai hàng hoá với cơ quan Hải quan về số lượng, chủng loại và chịu trách nhiệm về nguồn gốc gỗ hợp pháp.

2. Xuất khẩu các loại củi, than, thương nhân kê khai hàng hoá với cơ quan Hải quan về số lượng, chủng loại và chịu trách nhiệm về nguồn gốc hàng hoá hợp pháp, không phải xin phép.

3. Gỗ và sản phẩm làm từ gỗ thuộc các Phụ lục của CITES phải có Giấy phép CITES do Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam cấp.

Điều 9. Hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép xuất khẩu gỗ và sản phẩm thuộc các Phụ lục của CITES

1. Hồ sơ đề nghị cấp phép CITES:

a) Đề nghị cấp Giấy phép, Giấy phép CITES theo mẫu số 01/LN ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chụp hợp đồng giao kết thương mại giữa các bên có liên quan;

c) Hồ sơ chứng minh mẫu vật có nguồn gốc hợp pháp theo quy định hiện hành (bản sao chụp và mang theo bản gốc để đối chiếu; hoặc bản sao có chứng thực);

d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp phải đăng ký) hoặc giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân (chỉ nộp khi xuất khẩu lần đầu);

đ) Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc gỗ là tang vật xử lý (bản sao chụp và mang theo bản gốc để đối chiếu; hoặc bản sao có chứng thực).

2. Thời hạn giải quyết: 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trừ trường hợp phải tham vấn các Cơ quan Khoa học CITES, các cơ quan có liên quan). Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam phải thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp phải tham vấn Cơ quan Khoa học CITES Việt Nam, các cơ quan có liên quan, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam phải thông báo cho tổ chức, cá nhân biết và thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ.

3. Hiệu lực của giấy phép: Thời hạn tối đa của giấy phép là 06 (sáu) tháng kể từ ngày được cấp.

4. Cơ quan thực hiện: Cơ quan quản lý CITES Việt Nam

Thương nhân nộp hồ sơ tại một trong các địa chỉ sau:

a) Cơ quan quản lý CITES Việt Nam:

- Địa chỉ: Nhà A3, số 2 Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Hà Nội

- Điện thoại: (04) 3733 5676; Fax: (04) 3734 6742

- Email: cites_vn.kl@mard.gov.vn

- Trang web: www.tongcuclamnghiep.gov.vn

b) Cơ quan đại diện Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam tại phía Nam:

- Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà số 12, đường Võ Văn Kiệt, quận I, thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (08) 3821 8206; Fax: (08) 3915 1120

- Email: citesphianam@gmail.com

Mục 2. XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

Điều 10. Xuất khẩu mẫu vật động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm

1. Cấm xuất khẩu

Mẫu vật động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ tự nhiên không được xuất khẩu vì mục đích thương mại gồm:

a) Mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm IB, mẫu vật thực vật rừng thuộc nhóm IA theo quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

b) Mẫu vật động vật, thực vật hoang dã nguy cấp quy định tại Phụ lục I của CITES.

2. Xuất khẩu có giấy phép

a) Mẫu vật động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm phục vụ ngoại giao, nghiên cứu khoa học, trao đổi giữa các vườn động vật, vườn thực vật, triển lãm, biểu diễn xiếc, trao đổi, trao trả mẫu vật giữa các Cơ quan có thẩm quyền quản lý CITES các nước.

b) Xuất khẩu vì mục đích thương mại:

- Mẫu vật động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên quy định tại Phục lục II, III của Công ước CITES;

- Mẫu vật thực vật rừng từ tự nhiên thuộc nhóm IIA theo quy định của Chính phủ;

- Mẫu vật động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm I, nhóm II theo quy định của Chính phủ và mẫu vật quy định tại Phụ lục của Công ước CITES có nguồn gốc nuôi, trồng theo quy định tại Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý,

hiếm và Điều 5 Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nông nghiệp.

Điều 11. Nhập khẩu mẫu vật động vật, thực vật thuộc các Phụ lục CITES

1. Cấm nhập khẩu

Nghiêm cấm nhập khẩu mẫu vật động vật, thực vật thuộc Phụ lục I CITES có nguồn gốc từ tự nhiên vì mục đích thương mại.

2. Nhập khẩu có giấy phép

a) Mẫu vật các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I CITES có nguồn gốc từ tự nhiên chỉ được nhập khẩu cho mục đích phục vụ ngoại giao, nghiên cứu khoa học, trao đổi giữa các vườn thú, vườn thực vật, triển lãm, biểu diễn xiếc không vì mục đích lợi nhuận, trao trả mẫu vật giữa Cơ quan Quản lý CITES các nước.

b) Mẫu vật động vật, thực vật thuộc Phụ lục I có nguồn gốc từ trại nuôi sinh sản, cơ sở trồng cấy nhân tạo, mẫu vật quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này và mẫu vật động vật, thực vật thuộc Phụ II và III của Công ước CITES phải được Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam cấp giấy phép.

Điều 12. Hồ sơ, cơ quan cấp và hiệu lực của giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu mẫu vật động vật, thực vật hoang dã quy định tại các Phụ lục CITES

1. Thành phần hồ sơ xuất khẩu:

a) Xuất khẩu mẫu vật vì mục đích thương mại:

- Đề nghị cấp Giấy phép, Giấy phép CITES theo mẫu số 01/LN ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao chụp hợp đồng giao kết thương mại giữa các bên có liên quan.

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp phải đăng ký) hoặc giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân (chỉ nộp khi xuất khẩu lần đầu).

- Hồ sơ chứng minh mẫu vật có nguồn gốc hợp pháp theo quy định hiện hành (bản sao chụp và mang theo bản gốc để đối chiếu; hoặc bản sao có chứng thực).

b) Xuất khẩu không vì mục đích thương mại

- Đề nghị cấp Giấy phép, Giấy phép CITES theo mẫu số 01/LN ban hành kèm theo Thông tư này;

- Văn bản ký kết về chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học hoặc văn bản xác nhận quà biếu, tặng, ngoại giao (đối với mẫu vật nghiên cứu khoa học, ngoại giao) hoặc Quyết định cử đi tham dự triển lãm hoặc biểu diễn xiếc (đối với mẫu vật để triển lãm, biểu diễn xiếc) của Cơ quan có thẩm quyền (bản sao chụp và mang theo bản gốc để đối chiếu; hoặc bản sao có chứng thực);

- Bản sao chụp Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức.

- Hồ sơ chứng minh mẫu vật có nguồn gốc hợp pháp theo quy định hiện hành (bản sao chụp và mang theo bản gốc để đối chiếu; hoặc bản sao có chứng thực);

- Bản sao Giấy phép CITES nhập khẩu do Cơ quan Quản lý CITES nước nhập khẩu cấp đối với mẫu vật quy định tại Phụ lục I CITES.

2. Thành phần hồ sơ nhập khẩu

a) Nhập khẩu mẫu vật thuộc các Phụ lục CITES vì mục đích thương mại:

- Đề nghị cấp Giấy phép, Giấy phép CITES theo mẫu số 01/LN ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao chụp hợp đồng giao kết thương mại giữa các bên có liên quan.

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp phải đăng ký) hoặc giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân (chỉ nộp khi xuất khẩu lần đầu).

- Bản sao chụp Giấy phép xuất khẩu, tái xuất khẩu do Cơ quan quản lý CITES của nước xuất khẩu, tái xuất khẩu cấp.

- Trường hợp mẫu vật nhập khẩu là động vật, thực vật hoang dã còn sống phải có các giấy tờ sau:

+ Văn bản xác nhận đủ điều kiện nuôi, giữ, chăm sóc của cơ quan kiểm lâm tỉnh hoặc xác nhận của cơ quan quản lý chuyên ngành thuỷ sản cấp tỉnh đối với các loài thủy sinh;

+ Văn bản xác nhận về việc nhập khẩu mẫu vật đó không ảnh hưởng xấu tới môi trường và việc bảo tồn các loài động vật, thực vật trong nước đối với trường hợp loài động vật, thực vật đó lần đầu tiên được nhập khẩu vào Việt Nam của một trong các Cơ quan Khoa học CITES Việt Nam sau đây: Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Viện Nghiên cứu Hải sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

b) Nhập khẩu mẫu vật thuộc các Phụ lục CITES không vì mục đích thương mại:

- Đề nghị cấp Giấy phép, Giấy phép CITES theo mẫu số 01/LN ban hành kèm theo Thông tư này;

- Văn bản ký kết về chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học hoặc văn bản xác nhận quà biếu, tặng, ngoại giao (đối với mẫu vật nghiên cứu khoa học, ngoại giao) hoặc Quyết định cử đi tham dự triển lãm hoặc biểu diễn xiếc (đối với mẫu vật để triển lãm, biểu diễn xiếc) của Cơ quan có thẩm quyền (bản sao chụp và mang theo bản gốc để đối chiếu; hoặc bản sao có chứng thực);

- Bản sao chụp Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức.

- Bản sao Giấy phép CITES xuất khẩu do Cơ quan Quản lý CITES nước xuất khẩu, tái xuất khẩu cấp.

3. Cơ quan thực hiện: Theo quy định tại Khoản 4, Điều 9 của Thông tư này.

4. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép: Thời hạn có hiệu lực tối đa của giấy phép, chứng chỉ xuất khẩu và tái xuất khẩu là 06 (sáu) tháng; thời hạn hiệu lực tối đa của giấy phép nhập khẩu là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày được cấp.

Mục 3. XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 13. Xuất khẩu giống cây trồng

1. Cấm xuất khẩu:

Thương nhân không được xuất khẩu giống cây trồng có trong Danh mục giống cây trồng quý hiếm cấm xuất khẩu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Xuất khẩu có giấy phép:

a) Thương nhân xuất khẩu giống cây trồng có trong Danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm trao đổi quốc tế trong trường hợp đặc biệt và Danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm hạn chế trao đổi quốc tế theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Thương nhân xuất khẩu giống cây trồng không có trong Danh mục quy định tại khoản 1, điểm a Khoản 2 Điều này và Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam phải được Tổng cục Lâm nghiệp (đối với giống cây trồng lâm nghiệp) hoặc Cục Trồng trọt (đối với giống cây trồng nông nghiệp) cấp phép.

3. Xuất khẩu không cần giấy phép:

Thương nhân xuất khẩu giống cây trồng không thuộc quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này, không phải xin phép.

4. Xuất khẩu giống cây trồng nông nghiệp

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký xuất khẩu theo mẫu số 01/TT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Tờ khai kỹ thuật theo mẫu số 02/TT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp phải đăng ký) hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); chứng minh thư hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân);

- Trường hợp xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, hợp tác quốc tế phải bổ sung một (01) bản sao chụp thỏa thuận hợp tác bằng tiếng nước ngoài kèm theo một (01) bản dịch sang tiếng Việt có chữ ký xác nhận của cơ quan dịch thuật hoặc của thương nhân đăng ký nhập khẩu;

- Trường hợp xuất khẩu tham gia hội chợ, triển lãm phải bổ sung một (01) bản sao chụp Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội trợ, triển lãm bằng tiếng nước ngoài kèm theo một (01) bản dịch sang tiếng Việt có chữ ký xác nhận của cơ quan dịch thuật hoặc của thương nhân đăng ký xuất khẩu;

- Trường hợp xuất khẩu làm quà tặng phải bổ sung một (01) bản sao chụp giấy chứng nhận giữa hai bên bằng tiếng nước ngoài kèm theo một (01) bản dịch sang tiếng Việt có chữ ký xác nhận của cơ quan dịch thuật hoặc của thương nhân đăng ký nhập khẩu.

b) Thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ chưa đầy đủ: không quá 03 (ba) tháng kể từ ngày nhận hồ sơ lần đầu. Nếu quá thời hạn trên, Thương nhân không bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ thì phải nộp hồ sơ mới.

c) Cơ quan thực hiện:

- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Bộ phận "một cửa" - Văn phòng Cục Trồng trọt.

- Website: www.cuctrongtrot.gov.vn

- Địa chỉ: Nhà A6A, Số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội.

- Điện thoại: 04.3823.4651 Fax: 04.3734.4967.

- Email: vanphongctt@gmail.com

5) Xuất khẩu giống cây trồng lâm nghiệp:

Hồ sơ và trình tự thủ tục xuất khẩu giống cây trồng lâm nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 30 của Thông tư này.

Điều 14. Nhập khẩu giống cây trồng

1. Nhập khẩu có giấy phép

Thương nhân nhập khẩu giống cây trồng chưa có tên trong Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất kinh doanh hoặc Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam, hoặc chưa có văn bản công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới hoặc văn bản công nhận giống cây trồng nông nghiệp mới phải được Tổng cục Lâm nghiệp hoặc Cục Trồng trọt cấp phép.

2. Nhập khẩu không cần giấy phép

Thương nhân nhập khẩu giống cây trồng có tên trong Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp được phép sản xuất kinh doanh hoặc Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam hoặc có văn bản công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới hoặc văn bản công nhận giống cây trồng nông nghiệp mới được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam, không phải xin phép.

Điều 15. Thành phần hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng

1. Hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu giống cây trồng nông nghiệp:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu theo mẫu số 03/TT ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai kỹ thuật theo mẫu số 04/TT ban hành kèm theo Thông tư này (chỉ nộp khi nhập khẩu lần đầu);

c) Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp phải đăng ký) hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); chứng minh thư hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân).

d) Trường hợp giống cây trồng nhập khẩu lần thứ 02 trở đi để khảo nghiệm, sản xuất thử phải nộp báo cáo kết quả nhập khẩu, khảo nghiệm, sản xuất thử lần nhập trước, không cần nộp các loại giấy tờ quy định tại điểm b, điểm c, Khoản 1, Điều này;

đ) Trường hợp nhập khẩu phục vụ nghiên cứu, hợp tác quốc tế phải bổ sung một (01) bản sao chụp thỏa thuận hợp tác bằng tiếng nước ngoài kèm theo một (01) bản dịch sang tiếng Việt có chữ ký xác nhận của cơ quan dịch thuật hoặc của thương nhân đăng ký nhập khẩu.

e) Trường hợp nhập khẩu tham gia hội chợ, triển lãm phải bổ sung Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội trợ, triển lãm tại Việt Nam;

g) Trường hợp nhập khẩu quà tặng phải bổ sung một (01) bản sao chụp giấy xác nhận giữa hai bên bằng tiếng nước ngoài kèm theo một (01) bản dịch sang tiếng Việt có chữ ký xác nhận của cơ quan dịch thuật hoặc của thương nhân đăng ký nhập khẩu;

h) Trường hợp nhập khẩu để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, hồ sơ phải bổ sung:

- Bản sao chụp chứng thực hoặc bản sao chụp mang theo bản gốc để đối chiếu văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận chương trình, dự án đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc dự án được doanh nghiệp phê duyệt theo quy định của pháp luật;

- Riêng đối với trường hợp nhập khẩu giống cây trồng để phục vụ dự án xây dựng đường giao thông phải bổ sung bản sao chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale - CFS) do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp hoặc bản sao chứng thực một trong các giấy tờ sau: giấy xác nhận phù hợp chuẩn, giấy công nhận giống cây trồng mới, giấy xác nhận giống cây trồng không nằm trong Danh mục cấm sử dụng của nước xuất khẩu, giấy chứng nhận khác có nội dung tương tự kèm theo bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật hoặc của đơn vị đăng ký nhập khẩu hoặc kết quả nghiên cứu, khảo nghiệm tại Việt Nam cho thấy giống cây trồng an toàn với môi trường. Trường hợp thương nhân nộp bản sao chụp các loại giấy tờ trên mang theo bản chính để đối chiếu.

2. Hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu theo mẫu số 09/TT ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai kỹ thuật theo mẫu số 10/TT ban hành kèm theo Thông tư này (chỉ nộp khi nhập khẩu lần đầu);

c) Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp phải đăng ký) hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài);

d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn sinh học và Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi của cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam có thẩm quyền;

e) Kế hoạch khảo nghiệm so sánh, bao gồm khảo nghiệm so sánh diện hẹp và diện rộng theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư 29/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2014.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp:

a) Nhập giống để trồng khảo nghiệm, thử nghiệm

- Đơn đăng ký nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp theo mẫu số 02/LN ban hành kèm theo Thông tư này;

- Lý lịch giống xin nhập khẩu theo mẫu số 03/LN ban hành kèm theo Thông tư này;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật trồng khảo nghiệm, thử nghiệm;

- Các tài liệu liên quan như hợp đồng mua bán giống hoặc giấy cho tặng giống của đối tác.

b) Nhập giống cây lâm nghiệp với mục đích làm cây cảnh, cây bóng mát

- Đơn đăng ký nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp theo mẫu số 02/LN ban hành kèm theo Thông tư này;

- Lý lịch giống xin nhập khẩu theo mẫu số 03/LN ban hành kèm theo Thông tư này;

- Văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sở tại chấp thuận phương án và đề nghị cho nhập khẩu giống;

- Các tài liệu liên quan như hợp đồng mua bán giống hoặc giấy cho tặng giống của đối tác.

4. Thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ chưa đầy đủ: không quá 03 (ba) tháng kể từ ngày nhận hồ sơ lần đầu. Nếu quá thời hạn trên, thương nhân không bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ thì phải nộp hồ sơ mới.

5. Cơ quan thực hiện:

a) Đối với giống cây trồng nông nghiệp: Cục Trồng trọt

- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Bộ phận "một cửa" - Văn phòng Cục Trồng trọt

- Website: www.cuctrongtrot.gov.vn.

- Địa chỉ: Nhà A6A, Số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội.

- Điện thoại: 04.3823.4651 Fax: 04.3734.4967

- Email: vanphongctt@gmail.com

b) Đối với giống cây trồng lâm nghiệp: Tổng cục Lâm nghiệp

- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Văn phòng Tổng cục Lâm nghiệp

- Địa chỉ: Số 2 Ngọc Hà - Ba Đình - Hà Nội.

- Điện thoại: 04.3843.8792 Fax: 04.3843.8793

- Email: ln@mard.gov.vn

Mục 4. XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU GIỐNG VẬT NUÔI

Điều 16. Xuất khẩu giống vật nuôi

1. Xuất khẩu có giấy phép

Thương nhân trao đổi với nước ngoài những giống vật nuôi quý hiếm có trong Danh mục giống vật nuôi quý hiếm cấm xuất khẩu và Danh mục nguồn gen vật nuôi quý hiếm cần bảo tồn

để phục vụ nghiên cứu khoa học hoặc các mục đích đặc biệt khác do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.

2. Xuất khẩu không cần giấy phép

Thương nhân được xuất khẩu giống vật nuôi không có trong Danh mục giống vật nuôi quý hiếm cấm xuất khẩu và Danh mục nguồn gen vật nuôi quý hiếm cần bảo tồn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Điều 17. Nhập khẩu giống vật nuôi

1. Thương nhân chỉ được nhập khẩu giống vật nuôi có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc văn bản công nhận giống vật nuôi mới thì không phải xin phép

2. Nhập khẩu có giấy phép

Nhập khẩu tinh, phôi, môi trường pha loãng bảo tồn tinh giống vật nuôi phải được sự đồng ý bằng văn bản của Cục Chăn nuôi.

Thương nhân nhập khẩu giống vật nuôi ngoài Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu, khảo nghiệm hoặc trong các trường hợp đặc biệt khác phải được sự đồng ý bằng văn bản của Cục Chăn nuôi.

Điều 18. Thành phần hồ sơ, cơ quan cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi và tinh, phôi, môi trường pha loãng, bảo tồn tinh giống vật nuôi.

1. Thành phần hồ sơ:

a) Hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi và nguồn gen vật nuôi quý hiếm:

Đơn đăng ký xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi hoặc nguồn gen vật nuôi quý hiếm theo mẫu số 01/CN ban hành kèm theo Thông tư này;

Lý lịch nguồn gen vật nuôi quý hiếm cần trao đổi quốc tế theo mẫu số 02/CN ban hành kèm theo Thông tư này;

Bản sao chụp Dự án hợp tác nghiên cứu hoặc Hợp đồng nghiên cứu có nội dung liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu nguồn gen vật nuôi quý hiếm.

b) Hồ sơ nhập khẩu giống vật nuôi ngoài Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam:

Đơn đề nghị nhập khẩu để khảo nghiệm giống vật nuôi theo mẫu số 03/CN ban hành kèm theo Thông tư này;

Hồ sơ lý lịch giống vật nuôi trong đó ghi rõ tên giống, phẩm cấp giống, xuất xứ, số lượng, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng giống, những bệnh thường gặp ở vật nuôi đó (nếu có); Hồ sơ phải được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu. Hồ sơ là bản chính hoặc bản sao chứng thực kèm theo bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của đơn vị nhập khẩu. Trong trường hợp nộp trực tiếp, hồ sơ là bản sao chụp đồng thời phải xuất trình bản chính để đối chiếu;

Nội dung khảo nghiệm, kiểm nghiệm (địa điểm, các chỉ tiêu theo dõi);

Bản sao chụp Giấy chứng nhận kinh doanh (đối với đơn vị thuộc diện phải đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) hoặc Quyết định thành lập có xác nhận của tổ chức đăng ký nhập khẩu đối với trường hợp đăng ký nhập khẩu lần đầu.

c) Hồ sơ nhập khẩu tinh, phôi:

Đơn đăng ký nhập khẩu tinh, phôi theo mẫu số 04/CN ban hành kèm theo Thông tư này;

Đối với giống gia súc lớn (gia súc ăn cỏ): Hồ sơ lý lịch giống vật nuôi có xác nhận của tổ chức có thẩm quyền của nước xuất khẩu. Hồ sơ lý lịch giống của tinh là lý lịch 3 đời của đực giống cho tinh; đối với phôi hồ sơ là lý lịch 3 đời của con bố, mẹ cho phôi và phải có xác nhận của tổ chức có thẩm quyền của nước xuất khẩu. Không nhập khẩu tinh quá 60 tháng kể từ ngày sản xuất đối với tinh trâu, bò.

Đối với giống lợn: Hồ sơ xuất xứ của tinh lợn, bao gồm tên giống, cấp giống của từng cá thể đực giống; cơ sở nuôi và khai thác đực giống;

Hồ sơ là bản chính hoặc bản sao chứng thực kèm theo bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của đơn vị nhập khẩu. Trong trường hợp nộp trực tiếp, hồ sơ là bản sao chụp đồng thời phải xuất trình bản chính để đối chiếu.

Bản sao chụp Giấy chứng nhận kinh doanh (đối với đơn vị thuộc diện phải đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) hoặc Quyết định thành lập có xác nhận của tổ chức đăng ký nhập khẩu đối với trường hợp đăng ký nhập khẩu lần đầu.

d) Nhập khẩu môi trường pha loãng, bảo tồn tinh giống vật nuôi để khảo nghiệm:

Đơn đăng ký nhập khẩu theo mẫu số 05/CN ban hành kèm theo Thông tư này;

Thông tin về các chỉ tiêu kỹ thuật của môi trường pha loãng, bảo tồn tinh. Hồ sơ là bản chính hoặc bản sao chứng thực kèm theo bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của đơn vị nhập khẩu. Trong trường hợp nộp trực tiếp, hồ sơ là bản sao chụp đồng thời phải xuất trình bản chính để đối chiếu;

Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với đơn vị thuộc diện phải đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có xác nhận của tổ chức đăng ký nhập khẩu đối với trường hợp đăng ký nhập khẩu lần đầu.

2. Cơ quan thực hiện: Cục Chăn nuôi

- Nơi tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận "Một cửa" - Văn phòng Cục Chăn nuôi

- Địa chỉ: Số 16 Thụy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội

- Điện thoại: 04.3734.5443, Fax: 04.3734.5444

- Email: cn@mard.gov.vn

Mục 5. NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

Điều 19. Nhập khẩu có giấy phép

1. Nhập khẩu vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam phải được sự đồng ý bằng văn bản của Cục Thú y và phải kiểm tra chất lượng theo quy định của pháp luật.

2. Thuốc thú y chưa có giấy chứng nhận lưu hành hoặc chưa có trong Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam, được nhập khẩu trong các trường hợp sau:

a) Nguyên liệu để sản xuất thuốc thú y có giấy chứng nhận lưu hành;

b) Làm mẫu để nghiên cứu, kiểm nghiệm, chẩn đoán xét nghiệm, khảo nghiệm, đăng ký lưu hành;

c) Chất chuẩn, mẫu chuẩn để chẩn đoán, xét nghiệm về thú y; thuốc thú y tham gia trưng bày triển lãm, hội chợ, phòng, chữa bệnh cho động vật quý hiếm;

d) Viện trợ của các tổ chức quốc tế và các hình thức nhập khẩu phi mậu dịch khác;

đ) Phòng, chống dịch bệnh động vật khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Trong trường hợp có dịch bệnh khẩn cấp, việc nhập khẩu vắc xin thú y chưa có Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam dùng để phòng chống dịch do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.

Điều 20. Nhập khẩu không cần giấy phép

Thuốc thú y có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam hoặc có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam thì được phép nhập khẩu, xuất khẩu (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này) và phải kiểm tra chất lượng theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Thành phần hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc thú y

1. Thành phần hồ sơ:

a) Hồ sơ nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc thú y gồm:

- Đơn đăng ký nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu số 01/TY ban hành kèm theo Thông tư này. Đồng thời gửi file mềm (word, excel) qua địa chỉ email: quanlythuoc@gmail.com;

- Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) hoặc Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO) hoặc tiêu chuẩn tương đương của nhà sản xuất (đối với một số hóa chất thông dụng);

- Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp (CFS, CPP, MA);

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm (CoA) của nhà sản xuất;

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nhập khẩu thuốc thú y của cơ sở đề nghị cấp phép nhập khẩu do cơ quan chuyên ngành thú y ở Trung ương cấp;

b) Hồ sơ nhập khẩu mẫu thuốc thú y để nghiên cứu, kiểm nghiệm, chẩn đoán xét nghiệm, khảo nghiệm, đăng ký lưu hành gồm:

- Đơn đăng ký nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu số 01/TY ban hành kèm theo Thông tư này. Đồng thời gửi file mềm (word, excel) qua địa chỉ email: quanlythuoc@gmail.com;

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc thú y;

- Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) hoặc Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO) hoặc tiêu chuẩn tương đương của nhà sản xuất (đối với một số hóa chất thông dụng);

- Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp (CFS, CPP, MA);

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm (CoA) của nhà sản xuất;

- Tóm tắt đặc tính sản phẩm.

c) Hồ sơ nhập khẩu chất chuẩn, KIT để chẩn đoán, xét nghiệm, tham gia trưng bày hội chợ, triển lãm, phòng trị bệnh cho động vật quý hiếm gồm:

- Đơn đăng ký nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu số 01/TY ban hành kèm theo Thông tư này. Đồng thời gửi file mềm (word, excel) qua địa chỉ email: quanlythuoc@gmail.com;

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm (CoA) của nhà sản xuất;

- Tóm tắt đặc tính sản phẩm;

- Nhãn sản phẩm.

d) Hồ sơ nhập khẩu vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc đã có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam gồm:

- Đơn đăng ký nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu số 02/TY ban hành kèm theo Thông tư này. Đồng thời gửi file mềm (word, excel) qua địa chỉ email: quanlythuoc@gmail.com;

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nhập khẩu thuốc thú y của cơ sở đề nghị cấp phép nhập khẩu do cơ quan chuyên ngành thú y ở Trung ương cấp;

đ) Hồ sơ nhập khẩu thuốc thú y đối với trường hợp quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 19 Thông tư này gồm:

- Đơn đăng ký nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu số 01/TY ban hành kèm theo Thông tư này. Đồng thời gửi file mềm (word, excel) qua địa chỉ email: quanlythuoc@gmail.com;

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với ngành nghề phù hợp của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc thú y;

- Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) hoặc Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO) hoặc tiêu chuẩn tương đương của nhà sản xuất (đối với một số hóa chất thông dụng);

- Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp (CFS, CPP, MA);

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm (CoA) của nhà sản xuất;

e) Các loại giấy chứng nhận GMP, ISO, FSC, CPP, MA, CoA kèm trong hồ sơ đăng ký có thể nộp bản chính hoặc bản sao hợp pháp (bản sao có công chứng hoặc chứng thực) hoặc bản sao chụp đồng thời phải xuất trình bản chính để kiểm tra trong trường hợp nộp trực tiếp.

2. Cơ quan thực hiện: Cục Thú y

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Văn phòng Cục Thú y

- Địa chỉ: 15/78 Giải Phóng, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại: +(844) 3869.5527/3869.6788

- Email: quanlythuoc@gmail.com

Mục 6. NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VÀ VẬT THỂ PHẢI CÓ GIẤY PHÉP KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

Điều 22. Nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật như sau:

1. Nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật thực hiện theo quy định tại Điều 67 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

2. Trường hợp ủy quyền nhập khẩu thì tổ chức, cá nhân nhận ủy quyền phải xuất trình giấy ủy quyền của tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu tại cơ quan Hải quan.

3. Thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Thuốc kỹ thuật phải có hàm lượng hoạt chất tối thiểu bằng hàm lượng hoạt chất của thuốc kỹ thuật trong Danh mục và phải nhập khẩu từ các nhà sản xuất có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng;

b) Thuốc thành phẩm có hàm lượng hoạt chất, dạng thuốc và nhà sản xuất thuốc thành phẩm đúng với Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam và phải còn ít nhất 2/3 hạn sử dụng được ghi trên nhãn thuốc kể từ khi thuốc đến Việt Nam;

c) Thuốc thành phẩm phải đáp ứng được tính chất lý hóa về tỷ suất lơ lửng, độ bền nhũ tương đối với từng dạng thành phẩm tương ứng.

d) Thuốc kỹ thuật, thuốc thành phẩm phải đáp ứng quy định về tạp chất độc hại tại các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và các Tiêu chuẩn cơ sở (TC) của Cục Bảo vệ thực vật.

4. Nhập khẩu methyl bromide và trách nhiệm của tổ chức nhập khẩu methyl bromide

a) Chỉ được nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất methyl bromide từ các nước tham gia Nghị định thư Montreal.

b) Chỉ được nhập khẩu và sử dụng methyl bromide với mục đích kiểm dịch thực vật, khử trùng xuất khẩu (QPS) và các trường hợp theo quy định của Nghị định thư Montreal.

c) Doanh nghiệp nhập khẩu phải có Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng.

d) Chỉ được phép sử dụng methyl bromide theo đúng đăng ký với Cục Bảo vệ thực vật và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước trong việc sử dụng methyl bromide;

đ) Chỉ được bán các thuốc chứa hoạt chất methyl bromide cho các tổ chức có Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng;

e) Báo cáo Cục Bảo vệ thực vật về tình hình nhập khẩu, sử dụng và mua bán methyl bromide theo mẫu 03/BVTV ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn nộp báo cáo 06 tháng đầu năm trước ngày 15 tháng 7 và báo cáo năm trước ngày 15 tháng 01 năm sau.

g) Các tổ chức không được nhập khẩu methyl bromide nếu vi phạm một trong các trường hợp sau: Không tuân thủ chế độ báo cáo theo quy định hoặc báo cáo không trung thực về tình hình nhập khẩu, sử dụng, mua bán methyl bromide; Sử dụng sai mục đích được cấp phép; tổ chức bị thu hồi Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng.

Điều 23. Nhập khẩu vật thể phải có Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu.

Thương nhân chỉ được phép nhập khẩu vật thể thuộc Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam hoặc quá cảnh vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khi có Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu do Cục Bảo vệ thực vật cấp.

Điều 24. Thành phần hồ sơ, hiệu lực và cơ quan cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu, Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật

1. Hồ sơ

a) Nhập khẩu thuốc mẫu khảo nghiệm, thử nghiệm và nghiên cứu

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu 01/BVTV ban hành kèm theo Thông tư này;

Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (chỉ nộp lần đầu) hoặc Giấy tờ khác chứng minh tư cách pháp nhân;

Bản sao chụp Giấy phép khảo nghiệm của thuốc mẫu khảo nghiệm, thử nghiệm hoặc Phiếu an toàn hóa chất của thuốc mẫu khảo nghiệm, thử nghiệm;

Đề cương nghiên cứu về thuốc bảo vệ thực vật đề nghị nhập khẩu (đối với trường hợp nhập khẩu để nghiên cứu).

b) Nhập khẩu chất chuẩn

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu 01/BVTV ban hành kèm theo Thông tư này;

Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (chỉ nộp lần đầu) hoặc Giấy tờ khác chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu chất chuẩn.

c) Nhập khẩu thuốc để sử dụng cho dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, thuốc làm hàng mẫu, hàng phục vụ triển lãm, hội chợ và sử dụng trong một số trường hợp đặc biệt theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu 01/BVTV ban hành kèm theo Thông tư này;

Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép đầu tư (chỉ nộp lần đầu) hoặc Giấy tờ khác chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu;

Bản sao chứng thực hợp đồng nhập khẩu;

Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) tại nước xuất khẩu trong trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất chưa có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam.

d) Nhập khẩu thuốc xông hơi khử trùng, hoạt chất có độ độc cấp tính nhóm I, II theo phân loại GHS

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu 01/BVTV ban hành kèm theo Thông tư này;

Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép đầu tư (chỉ nộp lần đầu).

Bản sao chụp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng do Cục Bảo vệ thực vật cấp (chỉ nộp lần đầu) đối với trường hợp nhập khẩu thuốc xông hơi khử trùng;

đ) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu :

Đơn đề nghị cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu theo mẫu số 04/BVTV ban hành kèm theo Thông tư này;

Bản sao chụp Hợp đồng thương mại;

Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

2. Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật

Cục Bảo vệ thực vật thẩm định hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật; 15 ngày đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

a) Nếu hồ sơ hợp lệ thì cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu 02/BVTV ban hành kèm theo Thông tư này), Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (theo mẫu 05/BVTV ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì thông báo cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

c) Trường hợp không cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật, Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Hiệu lực của Giấy phép:

Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật; Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu có giá trị cho toàn bộ lô hàng ghi trong giấy phép và hiệu lực được ghi trong giấy phép theo từng

loại thuốc, mặt hàng nhưng không quá 01 năm kể từ ngày cấp. Giấy phép nhập khẩu methyl bromide chỉ có hiệu lực trong năm cấp phép.

4. Cơ quan thực hiện:

Cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật; Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu

- Địa chỉ: 149 Hồ Đắc Di, Đống Đa - Hà Nội

- ĐT: 04.3533.0361 Fax: 04.3533.3056;

- Email: p.cchc@fpt.vn; cchc.bvtv@mard.gov.vn

Mục 7. NHẬP KHẨU THỨC ĂN GIA SÚC, GIA CẦM

Điều 25. Nhập khẩu thức ăn gia súc, gia cầm

1. Đối với thức ăn gia súc, gia cầm đã được phép lưu hành tại Việt Nam, khi nhập khẩu, tổ chức, cá nhân làm thủ tục tại cơ quan hải quan và thực hiện kiểm tra chất lượng theo Chương III Thông tư 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

2. Đối với thức ăn gia súc, gia cầm chưa được phép lưu hành tại Việt Nam, khi nhập khẩu phải có quyết định công nhận thức ăn gia súc, gia cầm được phép lưu hành tại Việt Nam của Cục Chăn nuôi và thực hiện kiểm tra chất lượng theo Chương III Thông tư 66/2011/TT-BNNPTNT. Việc công nhận chất lượng thông qua một trong hai hình thức sau:

a) Công nhận chất lượng thông qua thẩm định hồ sơ.

b) Công nhận chất lượng thông qua khảo nghiệm (đối với các loại thức ăn chăn nuôi mới) được quy định tại Khoản 7 Điều 3 và Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 08/2010/NĐ-CP và Chương IV Thông tư 66/2011/TT-BNNPTNT.

Điều 26. Thành phần hồ sơ, cơ quan cấp phép nhập khẩu thức ăn gia súc, gia cầm

1. Hồ sơ đề nghị công nhận chất lượng thức ăn gia súc, gia cầm nhập khẩu gồm:

a) Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị công nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (theo mẫu số 06/CN ban hành kèm theo Thông tư này);

Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of free sale) hoặc văn bản có giá trị tương đương của thức ăn chăn nuôi nhập khẩu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp theo quy định tại Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu;

Bản thông tin sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp bao gồm: tên các loại nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng và vệ sinh an toàn thức ăn chăn nuôi, công dụng, hướng dẫn sử dụng;

Nhãn của sản phẩm;

Bản tiêu chuẩn công bố áp dụng của tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận chất lượng; nhãn phụ sản phẩm thể hiện bằng tiếng Việt theo quy định;

Phiếu kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và vệ sinh an toàn thức ăn chăn nuôi của nhà sản xuất đã có một trong các giấy chứng nhận GMP, HACCP, ISO hoặc giấy chứng nhận tương đương. Trường hợp nhà sản xuất không có một trong những giấy chứng nhận GMP, HACCP, ISO hoặc giấy chứng nhận tương đương thì phiếu kết quả thử nghiệm phải được cấp từ các phòng thử nghiệm được cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ chỉ định hoặc từ các phòng thử nghiệm được tổ chức công nhận quốc tế hoặc tổ chức công nhận khu vực thừa nhận hoặc do Cục Chăn nuôi chỉ định hoặc thừa nhận;

Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận chất lượng (chỉ nộp lần đầu);

Giấy ủy quyền của nhà sản xuất cho tổ chức, cá nhân đăng ký.

b) Hồ sơ là bản chính hoặc bản sao chứng thực kèm theo bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của tổ chức, cá nhân đăng ký nhập khẩu. Nếu bản chính không phải là tiếng Anh thì bản dịch tiếng Việt phải có dịch thuật và chứng thực.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị công nhận chất lượng, Cục Chăn nuôi có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ trên 10 sản phẩm thì thời hạn kiểm tra thành phần hồ sơ không quá 05 ngày làm việc.

Nếu hồ sơ hợp lệ và sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng, trong thời hạn không quá 12 ngày làm việc, Cục Chăn nuôi ban hành quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam (theo mẫu tại Phụ lục 4A ban hành kèm theo Thông tư 50/2014/TT-BNNPTNT) sau khi đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận. Đối với hồ sơ trên 10 sản phẩm thì thời gian giải quyết cho 01 sản phẩm vượt quá được cộng thêm 01 ngày làm việc. Trường hợp không ban hành quyết định công nhận, Cục Chăn nuôi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Nhập khẩu thức ăn gia súc, gia cầm chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để giới thiệu tại các hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm:

a) Hồ sơ đối với trường hợp nhập khẩu để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm gồm:

Đơn đề nghị nhập khẩu (theo mẫu số 07/CN ban hành kèm theo Thông tư này);

Giấy xác nhận về việc tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam (bản chính).

b) Hồ sơ đối với trường hợp nhập khẩu thức ăn chăn nuôi để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm gồm:

Đơn đề nghị nhập khẩu để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm (theo mẫu số 07/CN ban hành kèm theo Thông tư này);

Bản sao chụp Văn bản thỏa thuận sử dụng dịch vụ phân tích giữa một bên là phòng thử nghiệm trong nước với một bên là các phòng thử nghiệm, các doanh nghiệp hoặc các cơ quan quản lý về thức ăn chăn nuôi của nước xuất xứ, trong đó có cam kết sản phẩm nhập khẩu là phi thương mại.

c) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ Cục Chăn nuôi có văn bản trả lời về việc chấp thuận cho nhập khẩu (theo biểu mẫu 09/CN ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp không chấp thuận cho nhập khẩu, Cục Chăn nuôi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Hồ sơ đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn gia súc, gia cầm nhập khẩu:

Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng (03 bản) (theo biểu mẫu 10/CN ban hành kèm theo Thông tư này);

Bản sao chụp có xác nhận của đơn vị nhập khẩu các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, phiếu đóng gói (Packing list), hóa đơn mua bán (Invoice), phiếu kết quả phân tích chất lượng của nước xuất xứ cấp cho lô hàng (Certificate of Analysis), bản tiêu chuẩn công bố áp dụng của đơn vị nhập khẩu; văn bản công nhận thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam; bản sao chụp văn bản của Cục Chăn nuôi về việc miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn hoặc áp dụng chế độ kiểm tra giảm (nếu có).

4. Cơ quan thực hiện: Cục Chăn nuôi

- Nơi tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận "Một cửa" – Văn phòng Cục Chăn nuôi

- Địa chỉ: Số 16 Thụy Khuê – Tây Hồ - Hà Nội

- Điện thoại: 04.3734.5443 Fax: 04.3734.5444

- Email: cn@mard.gov.vn

Mục 8. NHẬP KHẨU PHÂN BÓN

Điều 27. Nhập khẩu phân bón

1. Nhập khẩu có giấy phép

Thương nhân nhập khẩu phân bón thuộc các trường hợp dưới đây phải có Giấy phép:

a) Phân bón để khảo nghiệm;

b) Phân bón chuyên dùng cho sân thể thao, khu vui chơi giải trí;

c) Phân bón chuyên dùng của các công ty có vốn đầu tư nước ngoài để phục vụ cho sản xuất trong phạm vi của công ty; sử dụng trong các dự án của nước ngoài tại Việt Nam, làm quà tặng, làm hàng mẫu;

d) Phân bón tham gia hội chợ, triển lãm;

đ) Phân bón hoặc nguyên liệu để sản xuất các loại phân bón có tên trong Danh sách phân bón đã công bố hợp quy;

e) Phân bón phục vụ nghiên cứu khoa học.

2. Nhập khẩu không cần giấy phép

Thương nhân nhập khẩu phân bón thuộc các trường hợp dưới đây không phải xin phép:

a) Phân bón có tên trong Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành từ ngày 09 tháng 8 năm 2008 đến ngày 27 tháng 11 năm 2013.

b) Phân bón có tên trong Danh sách phân bón đã công bố hợp quy do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương công bố.

Điều 28. Thành phần hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón

1. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu phân bón theo mẫu số 05/TT ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai kỹ thuật theo mẫu số 06/TT ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp phải đăng ký) hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); chứng minh thư hoặc hộ chiếu (đối với các cá nhân); bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp mang theo bản chính để đối chiếu văn bản phê duyệt chương trình, dự án đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với trường hợp dự án của nước ngoài tại Việt Nam) hoặc chương trình, dự án được doanh nghiệp phê duyệt theo quy định pháp luật;

d) Bản tiếng nước ngoài giới thiệu thành phần, hàm lượng các chất dinh dưỡng, công dụng, hướng dẫn sử dụng, các cảnh báo kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có chữ ký và dấu xác nhận của cơ quan dịch thuật hoặc của đơn vị đăng ký nhập khẩu;

đ) Trường hợp nhập khẩu phân bón theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 27 của Thông tư này: ngoài các văn bản, tài liệu quy định tại điểm a, b, c, d Khoản này, thương nhân phải nộp bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp mang theo bản chính để đối chiếu, kèm theo bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật hoặc của đơn vị đăng ký nhập khẩu Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale – CFS) do nước xuất khẩu cấp hoặc Giấy xác nhận phù hợp quy chuẩn hoặc Giấy xác nhận sản phẩm không nằm trong danh mục có

chất cấm sử dụng của nước xuất khẩu hoặc bằng độc quyền sáng chế (Patent) đối với nhập khẩu để khảo nghiệm;

e) Trường hợp nhập khẩu phân bón theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 27 của Thông tư này: ngoài các văn bản, tài liệu quy định tại điểm a, b, c, d Khoản này, thương nhân phải nộp bổ sung Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam.

2. Thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ chưa đầy đủ: Không quá 03 (ba) tháng kể từ ngày nộp hồ sơ lần đầu. Nếu quá thời hạn trên, Thương nhân không bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ thì phải nộp hồ sơ mới.

3. Cơ quan thực hiện: Cục Trồng trọt

- Nơi tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận "một cửa" – Văn phòng Cục Trồng trọt

- Địa chỉ: Số 2 Ngọc Hà – Ba Đình – Hà Nội.

- Điện thoại: 04.3823.4651 Fax: 04.3734.4967

- Email: vanphongctt@gmail.com

Mục 9. XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU NGUỒN GEN CÂY TRỒNG PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU, TRAO ĐỔI KHOA HỌC KỸ THUẬT

Điều 29. Quy định chung về xuất khẩu, nhập khẩu nguồn gen cây trồng

1. Thương nhân xuất khẩu nguồn gen cây trồng có trong Danh mục Nguồn gen cây trồng quý hiếm trao đổi quốc tế trong trường hợp đặc biệt và Danh mục Nguồn gen cây trồng quý hiếm hạn chế trao đổi quốc tế theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thương nhân xuất, nhập khẩu nguồn gen cây trồng không có trong Danh mục 1 và Danh mục 2 theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Danh mục giống cây trồng quý hiếm cấm xuất khẩu và Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải được Cục Trồng trọt cấp phép.

Điều 30. Thành phần hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép xuất/nhập khẩu nguồn gen cây trồng phục vụ nghiên cứu, trao đổi khoa học kỹ thuật

1. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đăng ký xuất/nhập khẩu nguồn gen cây trồng theo mẫu số 07/TT ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thông tin về nguồn gen cây trồng đăng ký xuất/nhập khẩu theo mẫu số 08/TT ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản chụp và bản dịch có ký đóng dấu xác nhận của đơn vị đăng ký xuất/nhập khẩu: Dự án hợp tác nghiên cứu; Hợp đồng nghiên cứu, Biên bản thoả thuận với đối tác nước ngoài đối với trường hợp xuất/nhập khẩu nguồn gen cây trồng phục vụ hợp tác khoa học kỹ thuật.

2. Thời hạn giải quyết:

a) Thời hạn giải quyết đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Thông tư này là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ;

b) Thời hạn giải quyết đối với trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 29 của Thông tư này là 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

3. Thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ chưa hợp lệ: Không quá 03 (ba) tháng kể từ ngày nhận hồ sơ lần đầu. Nếu quá thời hạn trên, thương nhân không bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ thì phải nộp hồ sơ mới.

4. Cơ quan thực hiện: Cục Trồng trọt

- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Bộ phận "một cửa" – Văn phòng Cục Trồng trọt

- Địa chỉ: Số 2 Ngọc Hà –Ba Đình –Hà Nội.

- Điện thoại: 04.3823.4651 Fax: 04.3734.4967

- Email: vanphongctt@gmail.com

- Website: www.cuctrongtrot.gov.vn.

Mục 10. XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CHUYÊN NGÀNH THỦY SẢN

Điều 31. Xuất khẩu thuỷ sản

1. Cấm xuất khẩu:

Cấm xuất khẩu các loài thủy sản có tên trong Danh mục các loài thủy sản cấm xuất khẩu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Xuất khẩu không phải xin phép:

a) Các loài thuỷ sản không có tên trong Danh mục thuỷ sản cấm xuất khẩu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này, khi xuất khẩu, thương nhân thực hiện thủ tục tại hải quan. Đối với loài thủy sản thuộc CITES quản lý thì thực hiện theo quy định của CITES Việt Nam.

b) Các loài thủy sản có tên trong Danh mục các loài thuỷ sản xuất khẩu có điều kiện tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này nếu đáp ứng đủ các điều kiện nêu tại Phụ lục này, khi xuất khẩu, thương nhân thực hiện thủ tục tại hải quan. Đối với các loài thủy sản thuộc CITES quản lý thì thực hiện theo quy định của CITES Việt Nam.

3. Xuất khẩu phải xin phép:

Thương nhân được xuất khẩu các loài thủy sản có tên trong Danh mục các loài thủy sản cấm xuất khẩu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này trong một số trường hợp để thực hiện Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập. Trình tự, thủ tục cấp phép thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này và Điều 6 Thông tư này. Đối với các loài thủy sản thuộc CITES quản lý thì thực hiện theo quy định của CITES Việt Nam.

4. Hồ sơ cấp phép xuất khẩu:

a) Đơn đăng ký xuất khẩu theo Mẫu số 01/TS ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập (Bản sao chụp và xuất trình bản chính để kiểm tra trong trường hợp nộp trực tiếp; hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) và bản dịch ra tiếng Việt phải có công chứng.

5. Giấy phép xuất khẩu thủy sản theo Mẫu số 02/TS ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Cơ quan thực hiện: Tổng cục Thủy sản

a) Nơi tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận "một cửa" Tổng cục Thuỷ sản.

b) Địa chỉ: Số 10 - Nguyễn Công Hoan – Ba Đình – Hà Nội.

c) Điện thoại: 043.7245370. Fax: 043.724.5120.

Điều 32. Nhập khẩu giống thuỷ sản

1. Nhập khẩu không phải xin phép:

a) Giống thủy sản có tên trong Danh mục giống thuỷ sản được phép sản xuất, kinh doanh do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (Danh mục nhập khẩu thông thường) hoặc có văn bản công nhận giống thuỷ sản mới, khi nhập khẩu, thương nhân thực hiện thủ tục nhập khẩu tại cơ quan hải quan và thực hiện kiểm tra chất lượng theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành về Quản lý giống thủy sản.

b) Giống thủy sản có tên trong Danh mục giống thuỷ sản nhập khẩu có điều kiện quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này nếu đáp ứng đủ các điều kiện nêu tại Phụ lục này,

khi nhập khẩu, thương nhân thực hiện thủ tục tại cơ quan hải quan và thực hiện kiểm tra chất lượng theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quản lý giống thủy sản.

2. Nhập khẩu phải xin phép:

Giống thủy sản chưa có tên trong Danh mục giống thuỷ sản được phép sản xuất, kinh doanh do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (Danh mục nhập khẩu thông thường) hoặc Danh mục giống thủy sản nhập khẩu có điều kiện quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc chưa có văn bản công nhận giống thuỷ sản mới, khi nhập khẩu, phải được Tổng cục Thủy sản cấp phép để khảo nghiệm, nghiên cứu, giới thiệu tại hội chợ, triển lãm. Trình tự, thủ tục cấp phép được quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều này và Điều 6 Thông tư này.

3. Hồ sơ đăng ký nhập khẩu giống thủy sản để khảo nghiệm:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 03/TS ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp hoặc Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ về nghiên cứu liên quan đến nuôi trồng thủy sản áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập (chỉ nộp lần đầu);

c) Ảnh chụp hoặc bản vẽ mô tả giống thuỷ sản đăng ký nhập khẩu kèm theo tên thương mại, tên khoa học;

d) Bản thuyết minh đặc tính sinh học, hiệu quả kinh tế của giống thuỷ sản xin nhập;

đ) Bản sao chụp văn bản cho phép khảo nghiệm hoặc đề cương khảo nghiệm giống thủy sản đã được Tổng cục Thủy sản phê duyệt.

4. Hồ sơ đăng ký nhập khẩu giống thủy sản để nghiên cứu:

Ngoài các hồ sơ nêu tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d Khoản 3 Điều này, cần bổ sung thêm: Đề cương nghiên cứu giống thủy sản đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Hồ sơ đăng ký nhập khẩu giống thủy sản để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm:

Ngoài các hồ sơ nêu tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d Khoản 3 Điều này, cần bổ sung thêm: Giấy tờ chứng minh về việc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam và Phương án xử lý sau thời gian sử dụng tại hội chợ, triển lãm.

6. Giấy phép nhập khẩu theo Mẫu số 04/TS ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Thời hạn hiệu lực của giấy phép: Giấy phép có giá trị tối đa 01 (một) năm kể từ ngày cấp và thể hiện trên giấy phép nhập khẩu.

8. Cơ quan thực hiện: Tổng cục Thủy sản

a) Nơi tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận "một cửa" Tổng cục Thuỷ sản.

b) Địa chỉ: Số 10 - Nguyễn Công Hoan – Ba Đình – Hà Nội.

c) Điện thoại: 043.7245370. Fax: 043.724.5120.

Điều 33. Nhập khẩu thuỷ sản sống dùng làm thực phẩm

1. Nhập khẩu không phải xin phép:

Thủy sản sống dùng làm thực phẩm đã có tên trong Danh mục thủy sản sống dùng làm thực phẩm được phép nhập khẩu thông thường (Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này) khi nhập khẩu thương nhân thực hiện thủ tục nhập khẩu tại cơ quan hải quan.

2. Nhập khẩu phải xin phép:

Thương nhân nhập khẩu các loài thủy sản không có tên trong Danh mục quy định tại Khoản 1 Điều này dùng làm thực phẩm phải được Tổng cục Thủy sản thực hiện đánh giá rủi ro (áp dụng đối với lô hàng nhập khẩu lần đầu), xem xét cấp phép và phê duyệt Kế hoạch quản lý, giám sát lô hàng nhập khẩu.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu (01 bộ), bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu theo Mẫu số 03/TS ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (chỉ nộp lần đầu);

c) Ảnh chụp hoặc bản vẽ mô tả loài thuỷ sản đề nghị cấp phép nhập khẩu kèm theo tên thương mại, tên khoa học;

d) Bản thuyết minh đặc tính sinh học của loài thuỷ sản đề nghị cấp phép nhập khẩu theo Mẫu số 05/TS ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Giấy chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ của loài thủy sản đề nghị cấp phép nhập khẩu do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp. Tài liệu này là bản sao chụp mang theo bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện và kèm theo một (01) bản dịch sang tiếng Việt được công chứng;

g) Kế hoạch quản lý, giám sát thủy sản sống từ khi nhập khẩu, vận chuyển, bảo quản, lưu giữ, chế biến đến tiêu thụ theo Mẫu 06/TS ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trình tự thực hiện

a) Thương nhân đề nghị cấp phép nhập khẩu thủy sản sống gửi hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều này đến Tổng cục Thủy sản.

b) Trường hợp gửi hồ sơ trực tiếp, Tổng cục thủy sản tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn ngay cho thương nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định. Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu điện, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Thủy sản trả lời bằng văn bản và nêu rõ những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (nếu có).

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, đối với loài thủy sản chưa được đánh giá rủi ro, trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc Tổng cục Thủy sản thành lập Hội đồng đánh giá rủi ro và thực hiện đánh giá rủi ro. Hội đồng kết luận, kiến nghị các biện pháp quản lý rủi ro phải thực hiện đối với loài thủy sản sống không có khả năng trở thành vật dữ, xâm hại hoặc có nguy cơ xâm hại, đủ điều kiện nhập khẩu làm thực phẩm.

d) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi có kết luận của Hội đồng đánh giá rủi ro, Tổng cục Thủy sản xem xét cấp phép nhập khẩu (theo Mẫu số 04/TS ban hành kèm theo Thông tư này) đồng thời phê duyệt Kế hoạch quản lý, giám sát lô hàng đối với loài thủy sản không có nguy cơ xâm hại, đủ điều kiện nhập khẩu dùng làm thực phẩm (theo Mẫu số 06/TS ban hành kèm theo Thông tư này).

đ) Những lần nhập khẩu tiếp theo đối với thủy sản sống dùng làm thực phẩm đã có kết luận đánh giá rủi ro không có nguy cơ xâm hại, đủ điều kiện nhập khẩu dùng làm thực phẩm, trong vòng 03 (ba) ngày làm việc , kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này, Tổng cục Thủy sản xem xét phê duyệt Kế hoạch quản lý, giám sát lô hàng thủy sản sống và cấp phép nhập khẩu.

Thương nhân được phép nhập khẩu thủy sản sống dùng làm thực phẩm ngay sau khi có Giấy phép nhập khẩu của Tổng cục Thủy sản.

e) Trường hợp không cấp phép nhập khẩu, Tổng cục Thuỷ sản thông báo bằng văn bản đến thương nhân đề nghị nhập khẩu và nên rõ lý do

g) Tổng cục Thủy sản cập nhật và ban hành Danh mục thủy sản sống đã được đánh giá rủi ro, thông báo công khai trên website của Tổng cục Thủy sản và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

h) Giấy phép nhập khẩu và Kế hoạch quản lý, giám sát lô hàng thủy sản sống nhập khẩu dùng làm thực phẩm được Tổng cục Thủy sản cấp cho thương nhân đăng ký nhập khẩu, đồng thời gửi tới cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản địa phương có lô hàng nhập khẩu để tổ chức thực hiện giám sát.

5. Thời hạn hiệu lực của giấy phép: Giấy phép nhập khẩu thủy sản sống dùng làm thực phẩm có giá trị cho toàn bộ lô hàng và hiệu lực được ghi trong giấy phép theo từng giống, loài thủy sản sống nhưng không quá 01 năm kể từ ngày cấp.

6. Cơ quan thực hiện: Tổng cục Thủy sản

a) Nơi tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận "một cửa" Tổng cục Thuỷ sản.

b) Địa chỉ: Số 10 - Nguyễn Công Hoan – Ba Đình – Hà Nội.

c) Điện thoại: 043.7245370. Fax: 043.724.5120.

Điều 34. Nhập khẩu sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản hoàn chỉnh; nguyên liệu sản xuất sản phẩm xử lý , cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản (Sau đây gọi chung là sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản)

1. Nhập khẩu không phải xin phép:

a) Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thuỷ sản đã có trong Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam (đã được phép lưu hành) hoặc có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam, khi nhập khẩu, thương nhân thực hiện thủ tục tại cơ quan Hải quan và thực hiện kiểm tra chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp sản phẩm chưa có trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam (chưa được phép lưu hành) thương nhân thực hiện thủ tục đăng ký lưu hành sản phẩm trước khi nhập khẩu.

b) Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thuỷ sản nêu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này nếu đáp ứng đủ các điều kiện nêu tại Phụ lục này, khi nhập khẩu, thương nhân chỉ phải làm thủ tục tại hải quan và thực hiện kiểm tra chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Nhập khẩu phải xin phép: Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thuỷ sản chưa có tên trong Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc chưa có trong Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam (chưa được phép lưu hành) hoặc chưa có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam (nhập khẩu để khảo nghiệm, nghiên cứu, giới thiệu tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm). Trình tự, thủ tục cấp phép thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều này và Điều 6 Thông tư này.

3. Hồ sơ đăng ký nhập khẩu để khảo nghiệm:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 07/TS ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do của sản phẩm (Certificate of free sale) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước sản xuất cấp;

c) Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp hoặc Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ về nghiên cứu liên quan đến nuôi trồng thủy sản áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập (chỉ nộp lần đầu);

d) Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất đã được chứng nhận GMP hoặc của cơ quan độc lập nước sản xuất;

đ) Bản sao chụp Văn bản cho phép khảo nghiệm hoặc Đề cương khảo nghiệm đã được Tổng cục Thủy sản phê duyệt.

4. Hồ sơ nhập khẩu để nghiên cứu:

Ngoài thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều này cần bổ sung bản chính hoặc bản sao chứng thực Đề cương nghiên cứu đã được phê duyệt.

5. Hồ sơ nhập khẩu để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm

Ngoài thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, điểm d khoản 3 Điều này cần các thành phần hồ sơ như sau:

a) Đơn đề nghị nhập khẩu theo Mẫu số 08/TS ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính hoặc bản sao chứng thực Văn bản chứng minh hoặc giấy xác nhận về việc tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam;

c) Bản sao chụp thông tin sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp bao gồm: tên các loại nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng và vệ sinh an toàn, công dụng, hướng dẫn sử dụng, nhãn của sản phẩm;

d) Phương án xử lý sản phẩm sau thời gian sử dụng để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm.

6. Hồ sơ nhập khẩu để làm mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm

Ngoài thành phần hồ sơ quy định tại điểm điểm b, điểm d khoản 3 Điều này cần các thành phần hồ sơ như sau:

a) Đơn đề nghị nhập khẩu theo Mẫu số 09/TS ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính hoặc bản sao chứng thực Văn bản thỏa thuận sử dụng dịch vụ phân tích giữa một bên là phòng thử nghiệm trong nước với một bên là phòng thử nghiệm hoặc doanh nghiệp hoặc cơ quan quản lý của nước xuất xứ, trong đó có cam kết sản phẩm nhập khẩu là phi thương mại;

c) Bản sao chụp thông tin sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp bao gồm: Tên các loại nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng và vệ sinh an toàn, công dụng, hướng dẫn sử dụng, nhãn của sản phẩm.

Thành phần hồ sơ quy định là bản chính hoặc bản sao chứng thực tại các khoản 3, 4, 5, 6 Điều này có thể thay thế là bản sao chụp và cung cấp bản chính để đối chiếu.

7. Giấy phép nhập khẩu theo Mẫu số 10/TS ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Thời hạn hiệu lực của giấy phép: Giấy phép có giá trị tối đa 01 (một) năm kể từ ngày cấp và thể hiện trên giấy phép nhập khẩu.

9. Cơ quan thực hiện: Tổng cục Thủy sản.

a) Nơi tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận "một cửa" Tổng cục Thuỷ sản.

b) Địa chỉ: Số 10 - Nguyễn Công Hoan – Ba Đình – Hà Nội.

c) Điện thoại: 043.7245370. Fax: 043.724.5120.

d) Email: ntts@mard.gov.vn

Điều 35. Nhập khẩu thức ăn thủy sản (bao gồm thức ăn hỗn hợp, chất bổ sung thức ăn và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản)

1. Nhập khẩu không phải xin phép:

Thức ăn thủy sản đã có trong Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam (đã được phép lưu hành) hoặc có văn bản công nhận được phép lưu hành tại Việt Nam, khi nhập khẩu, thương nhân thực hiện thủ tục tại cơ quan hải quan và thực hiện kiểm tra chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp sản phẩm chưa có trong Danh

mục được phép lưu hành tại Việt Nam (chưa được phép lưu hành) thương nhân phải làm thủ tục đăng ký lưu hành trước khi nhập khẩu.

2. Nhập khẩu phải xin phép:

Thức ăn thủy sản chưa có trong Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam (chưa được lưu hành) hoặc chưa có văn bản công nhận được phép lưu hành tại Việt Nam nhập khẩu để khảo nghiệm, nghiên cứu, giới thiệu tại hội chợ triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm. Trình tự, thủ tục cấp phép thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này và Điều 6 Thông tư này.

3. Hồ sơ đăng ký nhập khẩu để khảo nghiệm:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 07/TS ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do của sản phẩm (Certificate of free sale) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước sản xuất cấp;

c) Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp hoặc Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ liên quan đến nuôi trồng thủy sản áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập (chỉ nộp lần đầu);

d) Bản tóm tắt đặc tính, hiệu lực, độ an toàn của sản phẩm trong nuôi trồng thủy sản;

đ) Bản sao chụp Văn bản cho phép khảo nghiệm hoặc Đề cương khảo nghiệm đã được Tổng cục Thủy sản phê duyệt.

4. Hồ sơ nhập khẩu để nghiên cứu:

Ngoài thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều này cần bổ sung bản chính hoặc bản sao chứng thực Đề cương nghiên cứu đã được phê duyệt.

5. Hồ sơ nhập khẩu để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm

Ngoài thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, điểm d khoản 3 Điều này cần các thành phần hồ sơ như sau:

a) Đơn đề nghị nhập khẩu theo Mẫu số 08/TS ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính hoặc bản sao chứng thực Văn bản chứng minh hoặc giấy xác nhận về việc tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam;

c) Bản sao chụp thông tin sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp bao gồm: tên các loại nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng và vệ sinh an toàn, công dụng, hướng dẫn sử dụng, nhãn của sản phẩm;

d) Phương án xử lý sản phẩm sau thời gian sử dụng để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm.

6. Hồ sơ nhập khẩu để làm mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm

Ngoài thành phần hồ sơ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này cần các thành phần hồ sơ như sau:

a) Đơn đề nghị nhập khẩu theo Mẫu số 09/TS ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính hoặc bản sao chứng thực Văn bản thỏa thuận sử dụng dịch vụ phân tích giữa một bên là phòng thử nghiệm trong nước với một bên là phòng thử nghiệm hoặc doanh nghiệp hoặc cơ quan quản lý của nước xuất xứ, trong đó có cam kết sản phẩm nhập khẩu là phi thương mại;

c) Bản sao chụp thông tin sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp bao gồm: tên các loại nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng và vệ sinh an toàn, công dụng, hướng dẫn sử dụng, nhãn của sản phẩm.

Hồ sơ quy định là bản chính hoặc bản sao chứng thực tại các khoản 3, 4, 5, 6 Điều này có thể thay thế là bản sao chụp và cung cấp bản chính để đối chiếu.

7. Giấy phép nhập khẩu theo Mẫu số 10/TS ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Thời hạn hiệu lực của giấy phép: Giấy phép có giá trị tối đa 01 (một) năm kể từ ngày cấp và thể hiện trên giấy phép nhập khẩu.

9. Cơ quan thực hiện: Tổng cục Thủy sản

a) Nơi tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận "một cửa" Tổng cục Thuỷ sản.

b) Địa chỉ: Số 10 - Nguyễn Công Hoan – Ba Đình – Hà Nội.

c) Điện thoại: 043.7245370. Fax: 043.724.5120.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 03 năm 2015.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 88/2011/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

Bãi bỏ Phụ lục 6, Phụ lục 7, Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân, thương nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời sửa đổi, bổ sung./.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

Nơi nhận:
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng;
- VP TW Đảng và các Ban của Đảng;
- VP: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- UBND, Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp), Tổng cục Hải quan;
- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Công báo;
- Website: Chính phủ, Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT; CB (VT, TM).

VBPL-TS24.COM.VN
www.TS24.com.vn

Phụ lục 01

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CÁC LOÀI THUỶ SẢN CẤM XUẤT KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học
1	Trai ngọc	*Pinctada maxima*
2	Cá cháy	*Macrura reevessii*
3	Cá còm	*Notopterus chitala*
4	Cá anh vũ	*Semilabeo notabilis*
5	Cá hô	*Catlocarpio siamensis*
6	Cá chìa vôi sông	*Crinidens sarissophorus*
7	Cá cóc Tam Đảo	*Paramesotriton deloustali*
8	Cá tra dầu	*Pangasianodon gigas*
9	Cá ông sư	*Neophocaena phocaenoides*
10	Cá heo vây trắng	*Lipotes vexillifer*
11	Cá heo	*Delphinidae spp.*
12	Cá voi	*Balaenoptera spp.*
13	Cá trà sóc	*Probarbus jullieni*
14	Cá rồng	*Scleropages formosus*
15	Bò biển/cá ông sư	*Dugong dugon*
16	Rùa biển	*Cheloniidae spp.*
17	Bộ san hô cứng	*Stolonifera*
18	Bộ san hô xanh	*Helioporacea*
19	Bộ san hô đen	*Antipatharia*
20	Bộ san hô đá	*Scleractinia*
21	Rùa da	*Dermochelys coriacea*
22	Đồi mồi dứa	*Lepidochelys olivacea*
23	Đồi mồi	*Eretmochelys imbricata*
24	Quản đồng	*Caretta caretta*
25	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	*Cuora trifasciata*
26	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	*Cuora galbinifrons*
27	Rùa trung bộ	*Mauremys annamensis*
28	Rùa đầu to	*Platysternon megacephalum*
29	Họ Ba ba	*Trionychidae*
30	Giải khổng lồ	*Pelochelys cantorii*
31	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	*Rafetus swinhoei*
32	Cá Lợ thân thấp	*Cyprinus multitaeniata*
33	Cá Chép gốc	*Procypris merus*
34	Cá mè Huế	*Chanodichthys flavpinnis*
35	Các loài cá dao	*Pristisdae spp.*

Ghi chú: Trong Danh mục này, tên gọi chính thức của loài là tên khoa học (Latin). Tên phổ thông tiếng Việt chỉ có giá trị tham khảo.

Phụ lục 02

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC NHỮNG LOÀI THUỶ SẢN XUẤT KHẨU CÓ ĐIỀU KIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Điều kiện
1	Tôm hùm ma	*Panulirus penicillatus*	200 mm trở lên
2	Tôm hùm đá	*Panulirus homarus*	175 mm trở lên
3	Tôm hùm đỏ	*Panulirus longipes*	160 mm trở lên
4	Tôm hùm lông	*Panulirus stimpsoni*	160 mm trở lên
5	Tôm hùm bông	*Panulirus ornatus*	230 mm trở lên
6	Tôm hùm xanh	*Panulirus versicolor*	167 mm trở lên
7	Tôm hùm xám	*Panulirus poliphagus*	200 mm trở lên
8	Các loài cá mú (cá song)	*Epinephelus spp.*	500 g/con trở lên
9	Cá cam (cá cam sọc đen)	*Seriola nigrofasciata*	200 mm trở lên
10	Cá măng biển	*Chanos chanos*	500 g/con trở lên
11	Cá mú vàng nước ngọt	*Maccullochella peelii peelii*	400 g/con trở lên
12	Cá ba sa	*Pangasius bocourti*	Không còn sống
13	Cá tra	*Pangasianodon hypophthalmus*	Không còn sống
14	Cá chình nhọn	*Anguilla borneensis*	Được nuôi
15	Cá chình hoa	*Anguilla marmorata*	Được nuôi
16	Cá chình mun	*Anguilla bicolor*	Được nuôi
17	Cá chình Nhật	*Anguilla japonica*	Được nuôi
18	Ếch đồng	*Rana rugulosa*	Được nuôi
19	Cua biển	*Scylla serrata*	200g/con trở lên

Ghi chú: Trong Danh mục này, tên gọi chính thức của loài là tên khoa học (Latin). Tên phổ thông tiếng Việt chỉ có giá trị tham khảo.

VBPL - TS24.com.vn

Phụ lục 03

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC GIỐNG THUỶ SẢN NHẬP KHẨU CÓ ĐIỀU KIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Điều kiện
1	Cá tầm Nga	*Acipenser gueldenstaedti*	Có nguồn gốc theo quy định của CITES và có giấy xác nhận chất lượng của Tổng cục Thuỷ sản.
2	Cá tầm Xi bê ri	*Acipenser baerii*	
3	Cá tầm Sterlet	*Acipenser ruthenus*	
4	Cá tầm Beluga	*Huso huso*	
5	Ốc vòi voi	*Panopea generosa/Panopea abrupta*	Không nhiễm dư lượng kháng sinh cấm và có giấy xác nhận chất lượng của Tổng cục Thuỷ sản.
6	Cua huỳnh đế	*Ranina ranina*	
7	Tôm hùm Canada/Tôm hùm Mỹ	*Homarus americanus*	
8	Sò điệp	*Patinopecten yessoensis*	
9	Hầu Phương đông/Hầu Mỹ	*Crassostrea virginica*	
10	Hầu Thái Bình Dương	*Crassostrea gigas*	
11	Vẹm xanh	*Mytilus edulis*	
12	Cua Dungeness	*Cancer magister*	
13	Cua tuyết	*Chionoecetes opilio*	
14	Ốc biển Đại Tây Dương	*Buccinum undatum*	
15	Trai Địa Trung Hải	*Mytilus galloprovincialis*	
16	Sò Manila	*Venerupis philippinarum*	

Ghi chú: Trong Danh mục này, tên gọi chính thức của loài là tên khoa học (Latin). Tên phổ thông tiếng Việt chỉ có giá trị tham khảo.

VBPL - TS24.COM.VN
WWW.TS24.COM.VN

Phụ lục 04

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG DÙNG TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NHẬP KHẨU CÓ ĐIỀU KIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tất cả các mặt hàng năm trong Danh mục này khi nhập khẩu phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

Đối với sản phẩm hoàn chỉnh: Phải thực hiện đăng ký lưu hành tại Việt Nam hoặc phải được chứng nhận hợp quy trước khi nhập khẩu.

Đối với nguyên liệu: Phải có giấy xác nhận về chất lượng đáp ứng yêu cầu nêu trong tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đã công bố và không chứa các chất cấm sử dụng trong nuôi trồng thủy sản, cụ thể một trong các giấy tờ sau:

a) Phiếu kiểm nghiệm đạt chất lượng của nhà sản xuất đã được chứng nhận GMP.

b) Giấy chứng nhận chất lượng cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

c) Phiếu kiểm nghiệm đạt chất lượng của đơn vị kiểm nghiệm độc lập nước xuất khẩu.

d) Đối với trường hợp lô nguyên liệu chưa có các giấy tờ trên, cơ sở nhập khẩu phải đăng ký kiểm tra chất lượng với Tổng cục Thủy sản và phải được Tổng cục thủy sản chứng nhận chất lượng trước khi thông quan.

TT	Thành phần	Điều kiện bổ sung
1	Zeolite	$SiO_2 \geq 70\%$
2	Dolomite	$CaMg(CO_3)_2 \geq 80\%$
3	Bột đá vôi	$CaCO_3 \geq 90\%$
4	Calcium Hypochlorite	$Ca(OCl)_2 \geq 65\%$
5	BKC	Benzalkonium Chloride hay alkyl dimethyl benzyl ammonium chloride ≥ 50%
6	Các hợp chất Iodine	Nồng độ Iodine ≥ 10%
7	Protectol GDA	Glutaraldehyde ≥ 50%
8	Chất diệt cá tạp: Cây bã trà (Tea seed meal)	Saponin ≥ 12%, chỉ dẫn đảm bảo an toàn cho người sử dụng
9	Nguyên liệu khác để sản xuất sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản đang được phép lưu hành	Có ngành nghề sản xuất sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường hoặc có Hợp đồng bán cho nhà sản xuất có ngành nghề sản xuất sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản

Phụ lục 05

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CÁC LOÀI THUỶ SẢN SỐNG ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU LÀM THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Đối tượng	Tên khoa học
A. Đối tượng nuôi nước mặn/lợ		
I	**Các loài cá**	
1	Cá Bống bớp	*Bostrichthys sinensis*
2	Cá Bơn vỉ	*Paralichthys olivaceus*
3	Cá Bớp biển (cá Giò)	*Rachycentron canadum*
4	Cá Cam	*Seriola dumerili*
5	Cá Chẽm (cá Vược)	*Lates calcarifer*
6	Cá Chim trắng	*Pampus argenteus*
7	Cá Đối mục	*Mugil cephalus*
8	Cá Đù đỏ (cá Hồng Mỹ)	*Sciaenops ocellatus*
9	Cá Hồng	*Lutjanus erythropterus*
10	Cá Hồng bạc	*Lutjanus argentimaculatus*
11	Cá Hồng đỏ	*Lutjanus sanguineus*
12	Cá Măng biển	*Chanos chanos*
13	Cá Mú (song) chấm	*Epinephelus chlorostigma*
14	Cá Mú (song) chấm đỏ	*Epinephelus akaara*
15	Cá Mú (song) chấm đen	*Epinephelus malabaricus*
16	Cá Mú (song) đen chấm nâu	*Epinephelus coioides*
17	Cá Mú (song) chấm gai	*Epinephelus areolatus*
18	Cá Mú (song) chấm tổ ong	*Epinephelus merna*
19	Cá Mú (song) chấm xanh/trắng	*Plectropomus leopardus*
20	Cá Mú (song) chấm vạch	*Epinephelus amblycephalus*
21	Cá Mú (song) dẹt/chuột	*Cromileptes altivelis*
22	Cá Mú (song) hoa nâu/Mú cọp	*Epinephelus fusscoguttatus*
23	Cá Mú (song) mỡ /Mú ruồi	*Epinephelus tauvina*
24	Cá Mú (song) nghệ	*Epinephelus lanceolatus*
25	Cá Mú (song) sao	*Plectropomus maculatus*
26	Cá Mú (song) sáu sọc	*Epinephelus sexfasciatus*
27	Cá Mú (song) sáu sọc ngang	*Epinephelus fasciatus*
28	Cá Mú (song) vạch	*Epinephelus brunneus*
29	Cá Ngựa chấm	*Hyppocampus trinaculatus*
30	Cá Ngựa đen	*Hyppocampus kuda*
31	Cá Ngựa gai	*Hyppocampus histrix*
32	Cá Ngựa Nhật bản	*Hyppocampus japonica*

TT	Đối tượng	Tên khoa học
33	Cá Tráp vây vàng	*Sparus latus*
34	Cá vược mõm nhọn	*Psammoperca Waigiensis*
II	**Các loài giáp xác**	
1	Cua Biển	*Scylla paramamosain*
2	Cua Xanh (cua Bùn)	*Scylla serrata*
3	Cua Cà ra	*Erischei sinensis*
4	Ghẹ Xanh	*Portunus pelagicus*
5	Tôm He ấn Độ	*Penaeus indicus*
6	Tôm He Nhật	*Penaeus japonicus*
7	Tôm Hùm bông	*Panulirus ornatus*
8	Tôm Hùm đá	*Panulirus homarus*
9	Tôm Hùm đỏ	*Panulirus longipes*
10	Tôm Hùm vằn	*Panulirus versicolor*
11	Tôm Mùa (tôm Lớt)	*Penaeus merguiensis*
12	Tôm Nương	*Penaeus orientalis*
13	Tôm Rảo	*Metapenaeus ensis*
14	Tôm Sú	*Penaeus monodon*
15	Tôm Thẻ chân trắng	*Penaeus vannamei*
16	Tôm Thẻ rằn	*Penaeus semisulcatus*
17	Các loài giáp xác làm thức ăn cho thuỷ sản	*Artemia, Daphnia sp, Moina sp, Acartia sp, Pseudodiaptomus incisus, Pracalanus parvus, Schmackeria sp, Oithona, Brachionus plicatilis,*
III	**Các loài nhuyễn thể**	
1	Bàn mai	*Atrina pectinata*
2	Bào ngư bầu dục	*Haliotis ovina*
3	Bào ngư chín lỗ (cửu khổng)	*Haliotis diversicolor* Reeve, 1846
4	Bào ngư vành tai	*Haliotis asinina* Linné, 1758
5	Điệp quạt	*Mimachlamys crass*
6	Hầu cửa sông	*Crasostrea rivularis*
7	Hầu biển (Thái Bình Dương)	*Crasostrea gigas* Thunberg,1793
8	Hầu Belchery	*Crasostrea Belchery*
9	Mực nang vân hổ	*Sepiella pharaonis* Ehrenberg, 1831
10	Ngán	*Austriella corrugata*
11	Nghêu (ngao) dầu	*Meretrix meretrix* Linné, 1758
12	Nghêu (ngao) lụa	*Paphia undulata*
13	Nghêu Bến tre (ngao, vạng)	*Meretrix lyrata* Sowerby, 1851
14	Óc hương	*Babylonia areolata* Link, 1807
15	Sò huyết	*Arca granosa*
16	Sò lông	*Anadara subcrenata*
17	Sò Nodi	*Anadara nodifera*
18	Trai ngọc môi đen	*Pinctada margaritifera*
19	Trai ngọc trắng (Mã thị)	*Pteria martensii* Brignoli, 1972
20	Trai ngọc môi vàng (Tai tượng)	*Pinctada maxima* Jameson, 1901
21	Trai ngọc nữ	*Pteria penguin*

TT	Đối tượng	Tên khoa học
22	Trai tai nghé	*Tridacna squamosa*
23	Tu hài	*Lutraria philipinarum* Deshayes, 1884
24	Vẹm xanh	*Perna viridis* Linnaeus 1758
IV	**Các loài động vật thuộc các ngành da gai, giun đốt …**	
1	Cầu gai (Nhím biển)	*Hemicentrotus pulcherrimus*,
2	Cầu gai tím	*Authoeidaris erassispina*
3	Hải sâm	*Holothuria Stichopus japonicus selenka*
4	Hải sâm cát (Đồn đột)	*Holothuria scabra*
5	Sá sùng (Trùn biển, Sâu đất)	*Sipunculus nudus* Linnaeus, 1767
V	**Các loài rong, tảo biển**	
1	Rong câu Bành mai	*Gracilaria bangmeiana*
2	Rong câu chân vịt	*Gracilaria eucheumoides*
3	Rong câu chỉ	*Gracilaria tenuistipitata*
4	Rong câu chỉ vàng	*Gracilaria* verrucosa (*G.asiatica)*
5	Rong câu cước	*Gracilaria heteroclada*
6	Rong câu thừng	*Gracilaria lemaneiformis*
7	Rong hồng vân	*Betaphycus gelatinum*
8	Rong mơ	*Sargassum spp*
9	Rong sụn (Rong đỏ)	*Kappaphycus alvarezii*
10	Các loài tảo làm thức ăn cho ấu trùng cá, nhuyễn thể, giáp xác	*Skeletonema sp, Chaetoceros sp, Tetraselmis sp, Chlorella sp, Cyclotella, Nannochloropsis sp, Pavlova lutheri, Isochrysis galbana, Coscinodiscus, Skeletonema, Melosima, Navicula, Thalassiothrix, Thalassionema, Nitzschia,*
B. Đối tượng nuôi nước ngọt		
I	**Các loài cá nuôi nước ngọt**	
1	Cá Anh vũ	*Semilabeo obscorus*
2	Cá Ba sa	*Pangasius bocourti*
3	Cá Bông lau	*Pangasius krempfi*
4	Cá Bống cát	*Glossogobius giuris*
5	Cá Bống cau	*Butis butis*
6	Cá Bống kèo (cá kèo)	*Pseudapocryptes lanceolatus* Bloch
7	Cá Bống tượng	*Oxyeleotris marmoratus*
8	Cá Bỗng	*Spinibarbus denticulatus* Oshima, 1926
9	Cá Chạch	*Mastacembelus*
10	Cá Chạch bông	*Mastacembelus (armatus) favus*
11	Cá Chạch khoang	*Mastacembelus circumceintus*
12	Cá Chạch lá tre (Chạch gai)	*Macrognathus aculeatus*

TT	Đối tượng	Tên khoa học
13	Cá Chạch rằn	*Mastacembelus taeniagaster*
14	Cá Chạch sông	*Mastacembelus armatus*
15	Cá Chạch khoang (heo mắt gai)	*Pangio kuhlii*
16	Cá Chành dục	*Channa gachua*
17	Cá Chát vạch	*Lissochilus clivosius*
18	Cá Chày (cá Chài)	*Leptobarbus hoevenii*
19	Cá Chép	*Cyprinus carpio*
20	Cá Chiên	*Bagarius yarrelli*
21	Cá Chim	*Monodactylus argenteus*
22	Cá Chim dơi bốn sọc	*Monodactylus sebae*
23	Cá Chim trắng	*Colossoma branchypomum* Cuvier 1818
24	Cá Chình	*Anguilla spp*
25	Cá Chuối (cá Sộp)	*Channa striatus* Bloch 1795
26	Cá Chuối hoa	*Channa maculatus*
27	Cá Còm (cá Nàng hai)	*Notopterus chitala ornate*
28	Cá Diếc	*Carassius auratus*
29	Cá Hồi vân	*Onchorhynchus mykiss*
30	Cá Hú	*Pagasius conehophilus*
31	Cá Kết	*Micronema bleekeri*
32	Cá Lăng nha	*Mystus wolffii*
33	Cá Lăng chấm	*Hemibagrus guttatus/elongatus*
34	Cá Lăng vàng	*Mystus nemurus*
35	Cá leo	*Wallago attu*
36	Cá Lìm kìm ao	*Dermogenys pusillus*
37	Cá Lóc bông	*Channa micropeltes* Cuvier 1831
38	Cá Lúi sọc	*Osteochilus vittatus*
39	Lươn	*Monopterus albus*
40	Cá Mại nam	*Chela laubuca*
41	Cá Mè vinh	*Barbodes gonionotus*
42	Cá Mrigal	*Ciprinus mrigala*
43	Cá Mè hoa	*Hypophthalmichthys nobilis*
44	Cá mè hôi	*Osteochilus melanopleurus*
45	Cá Mè lúi	*Osteochilus hasseltii*
46	Cá Mè trắng Việt Nam	*Hypophthalmichthys harmandi*
47	Cá Mè trắng Hoa Nam	*Hypophthalmichthys molitrix*
48	Cá Mùi (cá Hường)	*Helostoma temminckii*
49	Cá Quả (cá Chuối hoa)	*Ophiocephalus maculatus*
50	Cá Rầm xanh	*Bangana lemassoni*
51	Cá Rô đồng	*Anabas testudineus* Bloch, 1792
52	Cá Rô hu	*Labeo rohita*
53	Cá Rô phi đen	*Oreochromis mosambicus*
54	Cá Rô phi vằn	*Oreochromis niloticus*
55	Cá Rồng (cá Kim long)	*Scleropages formosus*
56	Cá Sặc	*Trichogaster microlepis*

TT	Đối tượng	Tên khoa học
57	Cá Sặc bướm	*Trichogaster trichopterus*
58	Cá Sặc gấm	*Colisa lalia*
59	Cá Sặc rằn	*Trichogaster pectoralis*
60	Cá Sặc trân châu	*Trichogaster leeri*
61	Cá sửu	*Boesemania microlepis*
62	Cá Tai tượng Phi châu	*Astronotus ocellatus*
63	Cá Tai tượng (Phát tài, Hồng phát)	*Osphronemus goramy var*
64	Cá Tầm Trung Hoa	*Acipenser sinensis*
65	Cá Thác lác	*Notopterus notopterus Pallas*
66	Cá Thè be dài	*Acanthorhodeus tonkinensis*
67	Cá Thè be sông đáy	*Acanthorhodeus longibarbus*
68	Cá Tra	*Pangasianodon hypophythalmus*
69	Cá Trắm cỏ	*Ctepharyngodon idellus*
70	Cá Trắm đen	*Mylopharyngodon piceus*
71	Cá Trê vàng	*Clarias macrocephalus*
72	Cá Trê đen	*Clarias fuscus* Lacepede, 1803
73	Cá Trê trắng	*Clarias batrachus*
74	Cá Trê lai	*Clarias gariepinus sp*
75	Cá Trôi Ấn Độ	*Labeo rohita*
76	Cá Trôi ta	*Cirrhinus molitorella*
77	Cá vồ đém	*Pagasius larnaudii* Bocour
II	**Các loài giáp xác**	
1	Cua đồng	*Somanniathelphusa sinensis*
2	Tôm càng sông	*Macrobrachium nipponense*
3	Tôm càng xanh	*Macrobrachium rosenbergii*
III	**Các loài nhuyễn thể**	
1	Ốc nhồi	*Pila polita*
2	Trai cánh mỏng	*Cristaria bialata*
3	Trai cánh xanh	*Sinohyriopsis cummigii*
4	Trai cóc (trai cơm)	*Lampotula leai*
5	Trai sông	*Sinanodonta elliptica*
VI	**Các loài bò sát lưỡng cư**	
1	Baba gai	*T. steinachderi*
2	Baba hoa	*Trionyx sinensis*
3	Baba Nam bộ	*T. cartilagineus*
VII	**Các loài lưỡng cư**	
1	Ếch đồng	*Rana tigrina*
2	Ếch Thái lan	*Rana rugulosa Weigmann*

<u>Mẫu số 01/BVTV:</u> ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

***Số:* .....**

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: .....E-mail: .....

Giấy phép kinh doanh số: .....

Đề nghị Cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật cho chúng tôi như sau:

Số TT	Tên thuốc BVTV	Khối lượng	Đơn vị tính	Công dụng thuốc	Xuất xứ
I.	***Thuốc BVTV kỹ thuật***				
1.					
2.					
	Cộng				
II.	***Thuốc BVTV thành phẩm***				
1.					
2.					
	Cộng				
III.	***Methyl bromide***				
1					
2					
	Cộng				
Tổng cộng (*viết bằng chữ*) …….					

Mục đích nhập khẩu:

☐ Khảo nghiệm nhằm mục đích đăng ký;
☐ Sản xuất để xuất khẩu theo hợp đồng với nước ngoài;
☐ Làm hàng mẫu, hàng phục vụ triển lãm, hội chợ;
☐ Trường hợp khác *(ghi cụ thể)*.....
☐ Thử nghiệm, nghiên cứu; sử dụng trong dự án của nước ngoài tại Việt Nam;
☐ Xông hơi khử trùng;
☐ Tạm nhập tái xuất;
☐ Chất chuẩn;

Hồ sơ kèm theo gồm:

☐ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
☐ Phiếu an toàn hóa chất
☐ Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CSF)
☐ Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi, khử trùng

Hợp đồng:
nhập khẩu ☐ xuất khẩu ☐ gia công ☐

☐ Báo cáo tình hình nhập khẩu và sử dụng methyl bromide

☐ Các giấy tờ liên quan khác *(nếu có)*

Thời gian nhập khẩu: .....

Địa điểm nhập khẩu: .....

Địa điểm, thời gian, đối tượng sử dụng *(với thuốc có độ độc cấp tính nhóm I, II)*

.....

Địa điểm, thời gian,mục đích, đối tượng nghiên cứu, thí nghiệm, khảo nghiệm.....

.....

Chúng tôi xin cam đoan các loại thuốc nhập khẩu được sử dụng đúng mục đích nêu trên.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 02/BVTV:</u> GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: ……. /GPNKT-BVTV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày…… tháng…..... năm ……

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-BNN-TCCB ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật

Căn cứ Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật số…….. ngày…..... tháng……..năm……của ……..**.....**

Cục Bảo vệ thực vật đồng ý để ……..... …nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật với khối lượng sau đây:

Số TT	Tên thuốc BVTV	Khối lượng	Đơn vị tính	Công dụng thuốc	Xuất xứ
I.	***Thuốc BVTV kỹ thuật***				
1.					
	Cộng				
II.	***Thuốc BVTV thành phẩm***				
1.					
	Cộng				
III.	***Methyl bromide***				
1					
	Cộng				
Tổng cộng (*viết bằng chữ*) ……					

Mục đích nhập khẩu : **.....**
Thời gian nhập khẩu: từ ngày ký đến……..…… **.....**
Địa điểm nhập khẩu:…….**.....**
Ghi chú:…….. **.....**

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Chú ý: Trường hợp nhập khẩu methyl bromide, nội dung ghi trong giấy phép như sau:

- Mục đích nhập khẩu: Sử dụng cho mục đích kiểm dịch thực vật và xuất khẩu (hoặc sử dụng miễn trừ thiết yếu) theo quy định của Nghị định thư Montreal.

Ghi chú: Lượng methyl bromide trên phải được sử dụng đúng mục đích theo giấy phép này và chỉ được bán cho các tổ chức không có Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng**.**

<u>Mẫu số 03/BVTV:</u> BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU/SỬ DỤNG METHYL BROMIDE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tổ chức khử trùng:.....

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU/SỬ DỤNG METHYL BROMIDE

(6 tháng đầu năm 20…./hoặc năm 20….)

I. Tổng quát tình hình nhập khẩu/sử dụng methyl bromide.

1. Lượng methyl bromide tồn đầu của kỳ báo cáo: ……kg
2. Lượng methyl bromide nhập khẩu trong kỳ báo cáo

STT	MB được cấp phép NK		Lượng MB nhập khẩu thực tế (kg)	Lượng MB sử dụng (kg)	Lượng MB đã bán (kg)		Ghi chú
	Số GP	Lượng MB (kg)			Tên tổ chức mua MB	Lượng MB đã bán (kg)	
		Tổng	**Tổng**	**Tổng**		**Tổng**	

3. Lượng methyl bromide tồn cuối của kỳ báo cáo: ……kg

II. Chi tiết sử dụng methyl bromide

Khử trùng nông sản xuất khẩu	Thực hiện TCQT số 15	Khử trùng hàng nhập khẩu	Các ứng dụng khác

Loại nông sản	**Khối lượng nông sản (tấn)**	**Khối lượng MB (kg)**	**Thể tích (m3)**	**Khối lượng MB (kg)**	**Loại hàng hóa**	**Khối lượng hàng được xử lý (tấn)**	**Lý do xử lý**	**Khối lượng MB (kg)**	**Tên ứng dụng**	**Khối lượng được xử lý (tấn)**	**Khối lượng MB (kg)**
	Tổng	**Tổng**	Tổng	**Tổng**		Tổng		**Tổng**		Tổng	**Tổng**
Tổng lượng MB sử dụng (kg)											

VBPL - TS24CORP
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 04/BVTV:</u> ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

Số : .....

Kính gửi: .....

Tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....Điện thoại :.....

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu cho lô vật thể dưới đây của cơ quan chúng tôi:

Tên vật thể: .....

Tên khoa học : .....

Trọng lượng : .....

Số lượng: .....

Phương thức đóng gói : .....

Vùng sản xuất : .....

Nước xuất khẩu : .....

Phương tiện vận chuyển : .....

Cửa khẩu nhập : .....

Địa điểm sử dụng : .....

.....

Thời gian lô vật thể nhập khẩu : .....

Hồ sơ kèm theo :……...

Vào sổ số : .....ngày ___/___/____ *, ngày..... tháng.....năm.....*

Cán bộ nhận đơn **Đại diện cơ quan**

(Ký tên) *(Ký tên)*

<u>Mẫu số 05/BVTV:</u> GIẤY PHÉP KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT
SỐ: ..... /BVTV-KD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

Theo pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, căn cứ vào:

□ Đơn đề nghị cấp Giấy phép Kiểm dịch thực vật nhập khẩu của.....
.....

□ Báo cáo kết quả phân tích nguy cơ dịch hại số .... ngày …..tháng ….năm.....

Cục Bảo vệ thực vật đồng ý về mặt kiểm dịch thực vật (KDTV) để tổ chức, cá nhân có tên và địa chỉ dưới đây:

.....
.....

Nhập vào Việt Nam từ nước :

.....

Những vật thể thuộc diện KDTV sau :

.....
.....
.....

Tên khoa học :.....
.....

Với điều kiện phải thực hiện những yêu cầu KDTV sau đây:

1/ Áp dụng các biện pháp xử lý tại nước xuất khẩu:

□ Khử trùng: Loại thuốc:…… Liều lượng:……Thời gian:……

□ Chiếu xạ: Nguồn:…… Liều lượng:……Thời gian:……

□ Được sản xuất từ khu vực không nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam;

□ Biện pháp khác: ……

2/ Có Giấy chứng nhận KDTV do cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ/KDTV của nước xuất khẩu cấp;

3/ Những vật thể trên:

Chỉ được phép đưa vào qua các cửa khẩu sau đây :

.....

Phải được hoàn tất thủ tục KDTV tại:.....

4/ Lộ trình vận chuyển: .....

5/ Địa điểm sử dụng:.....
.....

6/ Khi tới nơi qui định, chủ vật thể trên phải thực hiện những nội dung sau đây:

- Khai báo với Chi cục Bảo vệ thực vật các tỉnh, thành phố địa điểm gieo trồng để tiếp tục theo dõi tình trạng dịch hại;
- Khai báo với Trung tâm KDTV sau nhập khẩu …;
- Chỉ được đưa ra sản xuất sau khi có kết luận của cơ quan KDTV.
- Yêu cầu KDTV khác: .....
  .....
  .....
  .....
  .....

7/ Giấy phép này có hiệu lực đến ngày ……. tháng .... năm 20...

Hà Nội, ngày .... tháng ... năm 20..

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú :

1. Giấy phép KDTV nhập khẩu này được lập thành 4 bản :

- Một bản do cơ quan đặt hàng giữ;
- Một bản do cơ quan nhập khẩu giữ;
- Một bản lưu tại cơ quan KDTV của địa bàn có cửa khẩu mà hàng thực vật nhập vào;
- Một bản lưu tại Cục Bảo vệ thực vật.

2. Cơ quan KDTV nơi nhận phải tiến hành thống kê nghiêm ngặt những Giấy phép KDTV nhập khẩu nhận được

VBL-TS24CORP www.ts24.com.vn

<u>Mẫu số 01/CN:</u> ĐƠN ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU (HOẶC NHẬP KHẨU) NGUỒN GEN VẬT NUÔI QUÝ HIẾM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU (HOẶC NHẬP KHẨU)
NGUỒN GEN VẬT NUÔI QUÝ HIẾM

Kính gửi: Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tên tổ chức đề nghị trao đổi nguồn gen vật nuôi quý hiếm:

2. Địa chỉ:

3. Mục đích xuất khẩu nguồn gen vật nuôi quý hiếm (ghi rõ tên văn bản hợp tác quốc tế):

4. Tên cơ quan nước nhận (hoặc gửi đến):

5. Tóm tắt số lượng, khối lượng, hiện trạng nguồn gen vật nuôi quý hiếm xuất khẩu: (chi tiết được trình bày ở phần lý lịch nguồn gen vật nuôi quý hiếm)

6. Thời gian xuất khẩu (hoặc nhập khẩu):

7. Cam đoan:

a) Đối với đơn đăng ký xuất khẩu…….Xin cam đoan nguồn gen vật nuôi quý hiếm đăng ký xuất khẩu trên đây không phải là những nguồn gen quý hiếm thuộc bí mật quốc gia.

b) Đối với đơn đăng ký nhập khẩu…….Cam kết thực hiện đúng Pháp lệnh giống vật nuôi, Pháp lệnh thú ý và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Kính đề nghị Bộ xem xét giải quyết./.

Thương nhân xuất khẩu/nhập khẩu
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu))

VBPL TS24 CORP www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 02/CN:</u> LÝ LỊCH NGUỒN GEN VẬT NUÔI QUÝ HIẾM ĐỀ NGHỊ XUẤT KHẨU (HOẶC NHẬP KHẨU)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Lý lịch nguồn gen vật nuôi quý hiếm đề nghị xuất khẩu (hoặc nhập khẩu)

(Kèm theo Đơn đăng ký xuất khẩu (hoặc nhập khẩu) nguồn gen vật nuôi quý hiếm ngày tháng năm)

TT	Tên giống	Thuộc loài	Nguồn gốc	Tháng năm nhập nội, lai tạo	Cơ quan đang lưu giữ giống	Vật liệu trao đổi	
						Thể loại	Trọng lượng/ Số lượng
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
...							

VBPL-TS24.COM.VN
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 03/CN:</u> ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU ĐỂ KHẢO NGHIỆM GIỐNG ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU ĐỂ KHẢO NGHIỆM GIỐNG……..

Kính gửi: Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tên Thương nhân nhập khẩu: .....
Giấy đăng ký kinh doanh số: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....
Đề nghị Cục Chăn nuôi cho phép nhập khẩu để khảo nghiệm ..... Cụ thể như sau:

Số TT	Tên giống	Cấp giống	Số hiệu	Số lượng	Xuất xứ	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
...						

Tổng số: .....
Bằng chữ: .....
Thời gian khảo nghiệm: .....
Địa điểm khảo nghiệm: .....

Thương nhân nhập khẩu để khảo nghiệm
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

VBPL-TS24.COM.VN
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 04/CN:</u> ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU TINH, PHÔI ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU TINH, PHÔI….

Kính gửi: Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và PTNT

Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

Đề nghị Cục Chăn nuôi đồng ý để ..... nhập khẩu..... tinh, phôi..... Cụ thể như sau:

Số TT	Tên giống	Cấp giống	Số hiệu đực giống (hoặc số thẻ tai của đực giống)	Số hiệu con bố và mẹ cho phôi (đối với nhập phôi)	Số lượng tinh/phôi	Năm sản xuất	Xuất xứ
1							
2							
3							
4							
...							

Tổng số lượng tinh, phôi:

Bằng chữ: .....

Thời gian nhập khẩu: .....

Cảng nhập khẩu: .....

Thương nhân nhập khẩu
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

VBPL - TS24.com.vn

<u>Mẫu số 05/CN</u>: ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU MÔI TRƯỜNG PHA LOÃNG, BẢO TỒN TINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU
MÔI TRƯỜNG PHA LOÃNG, BẢO TỒN TINH…

Kính gửi: Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và PTNT

Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

Đề nghị Cục Chăn nuôi đồng ý để ..... nhập khẩu môi trường dùng để pha loãng, bảo tồn tinh.....có số lượng và một số chỉ tiêu kỹ thuật chính như sau:

Số TT	Tên môi trường pha loãng, bảo tồn	Thành phần và chỉ tiêu kỹ thuật của môi trường	Số lượng	Xuất xứ
1				
2				
3				
4				

Thời gian nhập khẩu: .....

Cảng nhập khẩu: .....

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

VBPL-TS24.COM.VN
WWW.TS24.COM.VN

Mẫu số **06/CN**: **ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN GIA SÚC, GIA CẦM NHẬP KHẨU**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(Tên đơn vị):.....
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN GIA SÚC, GIA CẦM NHẬP KHẨU

Kính gửi: Cục Chăn nuôi

Tên đơn vị nhập khẩu: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

1. Đề nghị được công nhận chất lượng thức ăn gia súc, gia cầm nhập khẩu sau đây:

TT	Tên thức ăn gia súc, gia cầm	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất
1				
2				
3				
...				

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi.

Giám đốc
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

VBPL-TS24.COM.VN
WWW.TS24.COM.VN

<u>Mẫu số 07/CN</u>: ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI ĐỂ GIỚI THIỆU TẠI CÁC HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(Tên đơn vị):.....
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI ĐỂ GIỚI THIỆU TẠI CÁC HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM

Kính gửi: Cục Chăn nuôi

Tên đơn vị: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

1. Đề nghị được nhập khẩu thức ăn gia súc, gia cầm sau đây để giới thiệu tại các hội chợ triển lãm:

TT	Tên thức ăn gia súc, gia cầm	Khối lượng	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Quy cách bao gói	Hãng, nước sản xuất
1						
2						
3						
...						

2. Thời gian nhập: .....
3. Cửa khẩu nhập: .....
4. Thời gian, địa điểm tổ chức hội chợ triển lãm:
5. Phương án xử lý mẫu sau hội chợ triển lãm:

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi.

Giám đốc
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

VBLIS24.COM
www.LS24.com.vn

Mẫu số **08/CN**: **ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬP KHẨU THỨC ĂN GIA SÚC, GIA CẦM ĐỂ LÀM MẪU PHÂN TÍCH TẠI PHÒNG THỬ NGHIỆM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(Tên đơn vị):.....
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬP KHẨU THỨC ĂN GIA SÚC, GIA CẦM ĐỂ LÀM MẪU PHÂN TÍCH TẠI PHÒNG THỬ NGHIỆM

Kính gửi: Cục Chăn nuôi

Tên đơn vị: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

1. Đề nghị được nhập khẩu thức ăn gia súc, gia cầm sau đây để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm:

TT	Tên mẫu thức ăn chăn nuôi	Khối lượng*	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Quy cách bao gói	Hãng, nước sản xuất
1						
2						
3						
...						

(*) Không quá 2,0 kg đối với mỗi sản phẩm.

2. Thời gian nhập: .....
3. Cửa khẩu nhập: .....
4. Ghi rõ mục đích phân tích:…..……

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi.

Giám đốc
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

VBPL.TS24.COM
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 09/CN</u>: VĂN BẢN CÔNG NHẬN THỨC ĂN GIA SÚC, GIA CẦM ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU LÀM MẪU GIỚI THIỆU HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM/ MẪU PHÂN TÍCH TẠI PHÒNG THỬ NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ***CỤC CHĂN NUÔI*** Số /…… V/v công nhận thức ăn gia súc, gia cầm đủ điều kiện nhập khẩu làm mẫu.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm 201…*

Kính gửi: Tên doanh nghiệp đề nghị nhập khẩu

(Địa chỉ của doanh nghiệp:……)

Cục Chăn nuôi đã nhận được Văn bản số …….. ngày …….. của Công ty đề nghị công nhận thức ăn gia súc, gia cầm đủ điều kiện nhập khẩu làm mẫu giới thiệu hội chợ, triển lãm/ phân tích. Sau khi thẩm định hồ sơ, Cục Chăn nuôi có ý kiến như sau:

1. Đồng ý để Công ty nhập khẩu các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm có tên dưới đây phục vụ trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại hội chợ, triển lãm/ phân tích trong thời gian …….

Số TT	Tên TĂCN	Số lượng	Bản chất, công dụng	Hãng, nước sản xuất

2. Các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm nêu trên chỉ được dùng trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại hội chợ, triển lãm/ phân tích, không được sử dụng vào bất kỳ mục đích nào khác.

3. Mẫu sản phẩm sau khi trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại hội chợ, triển lãm/phân tích phải được xử lý theo quy định của pháp luật./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan Hải quan;
- Lưu: VT, …..

VBL-TS24CORP www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 10/CN</u>: GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
The Socialist Republic of Vietnam
Independent – Freedom – Happiness

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG
Registration for Quality Inspection of Feeds

Số/No: …… *(Dành cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm tra ghi)*	Số/No: …… *(Dành cho cơ quan kiểm tra ghi)*

Kính gửi/*To*: ……

1. Bên bán hàng / *Seller: (hãng, nước)*
2. Địa chỉ, Điện thoại, Fax. / *Address, Phone, Fax :*
3. Nơi xuất hàng/ *Port of departure:*
4.Bên mua hàng / *Buyer*:
5. Địa chỉ, Điện thoại, Fax. / *Address, Phone, Fax :*
6. Nơi nhận hàng/ *Port of Destination*:
7.Thời gian nhập khẩu dự kiến / *importing date* :
MÔ TẢ HÀNG HOÁ/ *DESCRIPTION OF GOODS*
8. Tên hàng hoá / *Name of goods:*
9. Số lượng, khối lượng *Quantity, Volume*
10. Mã số công nhận thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam/ Registration number:
11. Cơ sở sản xuất/ *Manufacturer (hãng, nước sản xuất)*
12. Địa điểm tập kết hàng/ *Location of storage*:
13. Ngày đăng ký lấy mẫu kiểm tra/ *Date for sampling*:
14. Địa điểm đăng ký lấy mẫu kiểm tra/ *Location for sampling*:
15. Thông tin người liên hệ/ *Contact person*
16.Hợp đồng mua bán/ *Contract*: Số……. Ngày……
17. Hoá đơn mua bán/ *Invoice*: Số…….. Ngày……
18. Phiếu đóng gói/*Packinglist*; Số……..…. Ngày……
DÀNH CHO CƠ QUAN KIỂM TRA
19. Yêu cầu kiểm tra chỉ tiêu / *Analytical parameters required*:
20. Thời gian kiểm tra/ *Date of testing*:
21. Đơn vị thực hiện kiểm tra:
Đối với hàng nhập khẩu, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan. Sau đó doanh nghiệp phải xuất trình toàn bộ hồ sơ và hàng hoá đã hoàn thành thủ tục hải quan cho cơ quan kiểm tra để được kiểm tra chất lượng theo quy định/ *This registration is used for customs clearance in term of imported goods. Consigner is required to submit to the inpection body, afterward, all related document of the imported goods*

……. *ngày /date:*	……. *, ngày /date:*
Đại diện tổ chức, cá nhân	**Đại diện cơ quan kiểm tra**
(ký tên, đóng dấu)	*(ký tên, đóng dấu)*

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 01/LN:</u> ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP, CHỨNG CHỈ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom - Happiness

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CITES
REQUEST FOR CITES PERMIT

Kính gửi/To: Cơ quan quản lý CITES Việt Nam/
Viet Nam CITES Management Authority

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép/Name of requesting organization, individual:

- Tổ chức: Tên đầy đủ bằng tiếng Việt và tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có)/Organization: Fullname of the organization in Vietnamese and transaction name in English (if any):

- Cá nhân: Họ, tên ghi trong CMND/Hộ chiếu/Individual: Fullname as appeared in ID/Passport:

- Số CMND/Hộ chiếu/ID/Passport: Ngày cấp/date: Nơi cấp/place:

2. Địa chỉ/Address:

- Tổ chức: Địa chỉ trụ sở, số, ngày đăng ký kinh doanh/Organization: Address of head office, Business registration number and date of issue:

- Cá nhân: Địa chỉ thường trú/Individual: Permanent Address:

3. Nội dung đề nghị/Request:

4. Tên loài/(Name of species)

- Tên khoa học (tên La tinh)/Scientific name (Latin name):

- Tên thông thường (tiếng Anh, tiếng Việt)/Common name (English, Vietnamese):

- Số lượng (bằng chữ: …)/Quantity (in words: …..):

- Đơn vị (con, kg, mảnh, chiếc …)/unit (individual, kg, piece …):

- Mục đích của việc đề nghị cấp giấy phép, chứng chỉ CITES:/Purpose of requesting for CITES permit, certificate:

5. Nguồn gốc mẫu vật/Origin of specimens:

6. Mô tả chi tiết (kích cỡ, tình trạng, loại sản phẩm …)/Detailed description (size, status, type of products …):

7. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu bằng tiếng Việt và tiếng Anh (nếu có)/Name and address of exporting and importing organization, individual in Vietnamese and in English (if any):

8. Thời gian dự kiến xuất, nhập khẩu/Expected exporting, importing time:

9. Cửa khẩu xuất, nhập khẩu (nêu rõ tên cửa khẩu, nước)/Export, import border gate (specify border gate's name and country):

10. Chứng từ gửi kèm/Attached documents:

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên đây là đúng và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật/I hereby certify that the information above is true and accurate and shall take responsibility to the laws.

Địa điểm/place ... Ngày/date ... tháng/month ... năm/year ...
Ký tên/Signature

(Tổ chức: ghi rõ họ, tên, chức vụ của người đại diện và đóng dấu; cá nhân: ghi rõ họ, tên)/
(Organization: specify Fullname and position of the authorized person and stamp;
Individual: specify Fullname).

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 02/LN:</u> ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…… tháng …… năm ….

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Kính gửi : Tổng cục Lâm nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số…… ngày……, …….(*Tên thương nhân*)..... làm đơn đề nghị Tổng cục Lâm nghiệp thẩm định và cho phép nhập khẩu giống cây lâm nghiệp sau đây:

1.Tên loài cây :

- Tên khoa học:

- Tên Việt Nam:

2. Số lượng:

- Hạt giống/lô giống: ..... kg

- Cây giống/dòng vô tính: .....số cây /dòng vô tính

3. Nguồn gốc, xuất xứ giống (kèm theo lý lịch nguồn giống):

4. Mục đích nhập khẩu giống:

5. Thời gian nhập khẩu giống: từ ngày .....tháng..... năm 200...

6. Cửa khẩu nhập khẩu giống: Cửa khẩu/sân bay/bưu điện.....

Thương nhân xin xuất, khẩu giống
(chữ ký và con dấu nếu có)

VBPL-TS24.COM
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 03/LN:</u> LÝ LỊCH GIỐNG CÂY TRỒNG ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Lý lịch giống cây trồng đề nghị nhập khẩu
(Kèm theo Đơn đăng ký nhập khẩu giống cây trồng ngày tháng năm)

1. Thông tin về giống

- Tên giống:

+ Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt, nếu cây trồng chưa có ở Việt Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa nơi nhập về: .....

+ Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ): .....

- Đặc điểm thực vật học chủ yếu: .....

- Bộ phận sử dụng:

+ Gỗ : ..... Sản phẩm ngoài gỗ: .....

- Giống được thu hái từ (rừng giống, vườn giống, rừng trồng.....):.....

- Những đặc điểm ưu việt của giống nhập khẩu: năng suất, khả năng kháng bệnh, tính chất cơ lý gỗ.....

2. Điều kiện tự nhiên nơi thu hái giống

2.1. Đặc điểm địa lý

- Kinh độ:.....
- Vĩ độ: .....
- Độ cao so với mực nước biển: .....

2.2. Đặc điểm khí hậu

- Nhiệt độ bình quân năm:
- Nhiệt độ bình quân tháng nóng nhất:
- Nhiệt độ bình quân tháng lạnh nhất:
- Lượng mưa bình quân năm:
- Mùa mưa:
- Lượng bốc hơi:

3. Kỹ thuật gieo trồng (đối với giống cây trồng nhập khẩu lần đầu):

- Yêu cầu điều kiện sinh thái (vĩ độ, nhiệt độ, đất đai...):.....

- Thời vụ trồng: .....

- Mật độ, lượng giống /ha:…….....

- Sâu bệnh hại chính: .....

4. Cảnh báo các tác hại:

VBPL TS24CORP www.TS24.com.vn

Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng nhập khẩu đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có):.....…….....…….....

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai lý lịch giống này.

....., ngày ..... tháng ..... năm.…

Thương nhân đăng ký

(ký tên, đóng dấu)

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 01/TS:</u> ĐƠN ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ SỞ
Số:…….

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

....., ngày.....tháng .....năm…

ĐƠN ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU THỦY SẢN

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

- Căn cứ ……(Ghi rõ điều ước quốc tế,…..)

Tên, địa chỉ liên hệ của cơ sở đăng ký xuất khẩu: .....

Tel:..... Fax:.....

Đề nghị được phép xuất khẩu loài thủy sản sau (Thuộc danh mục….):

1. Tên thương mại:……
2. Tên khoa học:…….
3. Số lượng:……Khối lượng……
4. Quy cách bao gói……
5. Tên cơ sở sản xuất:……..
6. Địa chỉ nhà sản xuất…….……ĐT……. Fax……..
7. Nước nhập khẩu:……
8. Thời gian xuất khẩu:…….
9. Địa điểm xuất khẩu:……..
10. Mục đích xuất khẩu:……..……
11. Tên đơn vị nhập khẩu (tiếp nhận):……..

Cam kết thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị Tổng Cục Thuỷ sản xem xét, cấp phép.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

VBPL TS24 CORP www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 02/TS:</u> GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **TỔNG CỤC THUỶ SẢN**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số:……/GPXK-TCTS	*Hà Nội, ngày…..tháng ….năm 20…*

GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU THỦY SẢN

- Căn cứ Thông tư số…/2015/TT-BNNPTNT ngày..tháng…năm.. về việc..
- Căn cứ đơn đăng ký nhập khẩu số ..... ngày ..... tháng..... năm 20.. của (cơ sở) .....và hồ sơ đăng ký xuất khẩu.
- Căn cứ kết quả thẩm định (số ....TĐHS ngày….tháng….năm 20..)

Tổng cục Thuỷ sản đồng ý cho:

Tên cơ sở ……

Địa chỉ……

Điện thoại……..Fax……..…….……

Được phép xuất khẩu ……..……...……..…

1. Tên thương mại:……..……
2. Tên khoa học:…….
3. Số lượng:…….….Khối lượng……
4. Quy cách bao gói……
5. Tên cơ sở sản xuất:……..……..
6. Địa chỉ nhà sản xuất…….……..…ĐT……. Fax……..
7. Nước nhập khẩu:…….……
8. Thời gian xuất khẩu:…….
9. Địa điểm xuất khẩu:……..
10. Mục đích xuất khẩu:……..……
11. Tên đơn vị nhập khẩu (tiếp nhận):……..

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:…….……

Cơ sở phải thực hiện đúng quy định về xuất khẩu, điều ước và quy định của CITES và thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận: - Cơ sở đăng ký; - ……; - Cơ quan quản lý NTTS tỉnh/tp…; - Lưu: VT, NTTS.	*Hà Nội, ngày…..tháng ….năm 20…* **TỔNG CỤC TRƯỞNG** *(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)*

VBPL TS24.COM.VN

<u>Mẫu số 03/TS:</u> ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ SỞ
Số:…….

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

....., ngày.....tháng .....năm…

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

- Căn cứ nhu cầu nhập khẩu cho mục đích:

* Khảo nghiệm	☐	* Hội chợ, triển lãm	☐
* Nghiên cứu	☐	* Mục đích khác (Ghi rõ)	☐

Tên, địa chỉ liên hệ của cơ sở nhập khẩu: .....

Tel:..... Fax:.....

1.Tên thương mại

2.Tên khoa học (nếu có):

3. Nhà sản xuất:

4. Nước xuất khẩu:

5. Số lượng, kích cỡ, khối lượng:

6. Thời gian nhập khẩu:

7. Cửa khẩu nhập khẩu, địa chỉ:

8. Địa điểm lưu giữ:

9. Mục đích nhập khẩu:

(Nếu là hội chợ, triển lãm phải ghi thêm: Tên, thời gian hội chợ, triển lãm).

Cam kết thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị Tổng Cục Thuỷ sản xem xét, cấp phép.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

VBPL TS24CORP www.ts24.com.vn

Mẫu số 04/TS: GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **TỔNG CỤC THUỶ SẢN**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số:……/GPNK-TCTS	*Hà Nội, ngày…..tháng ….năm 20…*

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THỦY SẢN

- Căn cứ Thông tư số…/2015/TT-BNNPTNT ngày..tháng…năm.. về việc..
- Căn cứ đơn đăng ký nhập khẩu số ..... ngày ..... tháng..... năm 20.. của (cơ sở) .....và hồ sơ đăng ký nhập khẩu.
- Căn cứ kết quả thẩm định (số ....TĐHS ngày….tháng….năm 20..)

Tổng cục Thuỷ sản đồng ý cho:

Tên cơ sở ……

Địa chỉ……

Điện thoại……..Fax……..…….……

Được phép nhập khẩu ……..……Để……..…

1. Tên thương mại:……
2. Tên khoa học:……
3. Số lượng:……Khối lượng……
4. Quy cách bao gói……
5. Tên cơ sở sản xuất:……..……..
6. Địa chỉ nhà sản xuất……..…ĐT……. Fax……..
7. Nước xuất khẩu:……
8. Thời gian nhập khẩu:……
9. Địa điểm nhập khẩu:……..
10. Mục đích nhập khẩu:……..……

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:……

Cơ sở phải thực hiện đúng mục đích nhập khẩu và thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận: - Cơ sở đăng ký; - ……; - Cơ quan quản lý NTTS tỉnh/tp…; - Lưu: VT, ….	*Hà Nội, ngày…..tháng ….năm 20…* **TỔNG CỤC TRƯỞNG** *(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)*

VBPL TS24COM www.ts24.com.vn

<u>Mẫu số 05/TS:</u> BẢN THUYẾT MINH ĐẶC TÍNH SINH HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .....tháng.....năm.....

BẢN THUYẾT MINH ĐẶC TÍNH SINH HỌC
(Của loài: tên khoa học)

1. Đặc điểm phân loại, hình thái và đặc điểm phân bố của loài thuỷ sản

2. Đặc điểm dinh dưỡng

3. Đặc điểm sinh trưởng

4. Đặc điểm sinh sản

5. Các bệnh và tác nhân gây bệnh đã biết

(Chỉ rõ nguồn tài liệu tham khảo)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 06/TS</u>: KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, GIÁM SÁT THỦY SẢN SỐNG NHẬP KHẨU DÙNG LÀM THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC THỦY SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, GIÁM SÁT THỦY SẢN SỐNG NHẬP KHẨU DÙNG LÀM THỰC PHẨM

Căn cứ Giấy phép số: /GPNK-TCTS ngày tháng năm…… cấp phép nhập khẩu lô hàng thủy sản sống dùng làm thực phẩm

Xét đề nghị của Hội đồng đánh giá rủi ro…..

Tổng cục Thủy sản phê duyệt Kế hoạch quản lý, giám sát lô hàng thủy sản sống nhập khẩu dùng làm thực phẩm như sau:

1. Kế hoạch vận chuyển
   - Phương thức vận chuyển:
   - Phương tiện vận chuyển:
   - Thời gian vận chuyển:
   - Người trực tiếp vận chuyển:
   - Khoảng cách vận chuyển: Từ…….đến……
   - Các yêu cầu cụ thể:
2. Kế hoạch lưu giữ:
   - Địa điểm lưu giữ:
   - Cách thức lưu giữ:
   - Thời gian lưu giữ:
   - Người trực tiếp lưu giữ:
   - Các yêu cầu cụ thể:
3. Kế hoạch bảo quản:
   - Nơi bảo quản:
   - Phương thức bảo quản:
   - Thời gian bảo quản:
   - Người trực tiếp bảo quản:
   - Các yêu cầu cụ thể:
4. Kế hoạch chế biến:
   - Nơi chế biến:
   - Thời gian chế biến:
   - Phương thức chế biến:
   - Người trực tiếp chế biến:
   - Các yêu cầu cụ thể:
5. Kế hoạch tiêu thụ
   - Nơi tiêu thụ:
   - Phương thức tiêu thụ:
   - Thời gian tiêu thụ:
   - Người trực tiếp tổ chức tiêu thụ:
   - Các yêu cầu cụ thể:

Nơi nhận: **TỔNG CỤC TRƯỞNG**

VBPL 24CORP www.TS24.com.vn

- Như trên;
- Cơ quan quản lý NTTS tỉnh/thành phố….;
- Lưu: VT, …...

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 07/TS</u>: ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU ĐỂ KHẢO NGHIỆM/NGHIÊN CỨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ SỞ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....,ngày .....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU ……. ĐỂ KHẢO NGHIỆM/NGHIÊN CỨU

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

Tên đơn vị: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

Đề nghị được nhập khẩu hàng hóa sau đây để khảo nghiệm/nghiên cứu:

1. Tên sản phẩm:……Loại sản phẩm:……
2. Dạng, màu sản phẩm:…….
3. Bản chất, công dụng……
4. Tên cơ sở sản xuất:……..……..
5. Địa chỉ nhà sản xuất…….……Đt……. Fax……..
6. Nước xuất khẩu:…….……
7. Số lượng:……Khối lượng……
8. Quy cách bao gói……
9. Thời gian nhập khẩu:…….
10. Địa điểm nhập khẩu:……..
11. Địa chỉ cơ sở sản xuất……..ĐT……Fax……
12. Tên cơ sở khảo nghiệm/nghiên cứu:…..……..

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Nơi nhận:	*…….ngày tháng năm…*
- Như trên;	**CHỦ CƠ SỞ**
- Lưu: Cơ sở.	*(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)*

VBPL TS24 CORP www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 08/TS</u>: ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU ĐỂ GIỚI THIỆU TẠI HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ SỞ
Số:...../20.../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU ….. ĐỂ GIỚI THIỆU TẠI HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

Tên cơ sở nhập khẩu: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

1. Đề nghị được nhập khẩu …….. sau đây để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm:

TT	Tên loại vật tư	Khối lượng	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Quy cách bao gói	Nước sản xuất
1						
2						
3						
...						

2. Thời gian nhập: .....
3. Cửa khẩu nhập: .....
4. Thời gian, địa điểm tổ chức hội chợ triển lãm:……
5. Tên cơ sở sản xuất:…….
6. Địa chỉ cơ sở sản xuất……..ĐT……Fax……

Kèm theo đơn này là Phương án xử lý mẫu sau hội chợ, triển lãm.
Cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: Cơ sở.

……ngày tháng năm…
CHỦ CƠ SỞ
(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)

VBPL-LS24.COM
www.LS24.com.vn

<u>Mẫu số 09/TS</u>: ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU ĐỂ LÀM MẪU PHÂN TÍCH TẠI PHÒNG THỬ NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ SỞ
Số:...../20.../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU ……. ĐỂ LÀM MẪU PHÂN TÍCH TẠI PHÒNG THỬ NGHIỆM

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản

Tên cơ sở nhập khẩu: .....
Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: ……

1. Đề nghị được nhập khẩu …… sau đây để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm:

TT	Tên loại vật tư	Khối lượng*	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Quy cách bao gói	Nước sản xuất
1						
2						
3						
...						

(*) Không quá 2,0 kg đối với mỗi sản phẩm.

2. Thời gian nhập: .....
3. Cửa khẩu nhập: .....
4. Ghi rõ mục đích phân tích:…..…….
5. Tên cơ sở sản xuất:…….
6. Địa chỉ cơ sở sản xuất……..ĐT……Fax……

Cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: Cơ sở.

……ngày tháng năm…
CHỦ CƠ SỞ
(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)

VPLTS24.COM.VN

<u>Mẫu số 10/TS</u>: GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THỨC ĂN/…./SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **TỔNG CỤC THUỶ SẢN**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số:……/GPNK-TCTS	*Hà Nội, ngày…..tháng ….năm 20…*

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU
THỨC ĂN/…./SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

- Căn cứ Thông tư số…/2015/TT-BNNPTNT ngày..tháng…năm.. về việc..
- Căn cứ đơn đăng ký nhập khẩu số ..... ngày ..... tháng..... năm 20.. của (cơ sở) .....và hồ sơ đăng ký nhập khẩu.
- Căn cứ kết quả thẩm định (số ....TĐHS ngày….tháng….năm 20..)

Tổng cục Thuỷ sản đồng ý cho:

Tên cơ sở ……

Địa chỉ……

Điện thoại……..Fax……..…….……

Được phép nhập khẩu sản phẩm……..là …. (thức ăn thủy sản/ sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản)……Để……

1. Tên sản phẩm:……; Nhãn hiệu/ mã số sản phẩm:……
2. Dạng, màu sản phẩm:……
3. Bản chất, công dụng……
4. Số lượng:……Khối lượng……
5. Quy cách bao gói……
6. Tên cơ sở sản xuất:……..……..
7. Địa chỉ nhà sản xuất……ĐT……. Fax……..
8. Nước xuất khẩu:……
9. Thời gian nhập khẩu:……
10. Địa điểm nhập khẩu:……..
11. Mục đích nhập khẩu:……

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:……

Cơ sở phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận: - Cơ sở đăng ký; - ……; - Cơ quan quản lý NTTS tỉnh/tp…; - Lưu: VT, NTTS.	*Hà Nội, ngày…..tháng ….năm 20…* **TỔNG CỤC TRƯỞNG** *(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)*

VBPL-TS24.COM.VN

<u>Mẫu số 01/TY:</u> ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y NGOÀI DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Số :……ĐKNK

Tel:
Fax:
Email:
Địa chỉ:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20…

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

Kính gửi: **Cục Thú y**

Căn cứ nhu cầu nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y ngoài Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, cho mục đích:

* Sử dụng	☐	* Quà biếu, tặng	☐
* Kinh doanh	☐	* Tham dự hội chợ triển lãm	☐
* Kiểm nghiệm	☐	* Hàng mẫu	☐
* Thử nghiệm	☐	* Dùng cho vật nuôi nhập khẩu	☐

Chúng tôi đề nghị nhập khẩu các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc sau đây:

TT	Tên sản phẩm	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng nhập	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7

Tổng giá trị đơn hàng:…….....

(Bằng chữ):……

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VBPL-TS24.COM
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 02/TY:</u> ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU VẮC XIN, VI SINH VẬT ĐÃ CÓ TRONG DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Số :……ĐKNK

Tel:
Fax:
Email:
Địa chỉ:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

(Địa danh), ngày tháng năm 20…

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

Kính gửi: **Cục Thú y**

Căn cứ nhu cầu nhập khẩu vắc xin, vi sinh vật dùng trong thú y đã có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, cho mục đích:

* Sử dụng	☐	* Quà biếu, tặng	☐
* Kinh doanh	☐	* Tham dự hội chợ triển lãm	☐
* Kiểm nghiệm	☐	* Hàng mẫu	☐
* Thử nghiệm	☐	* Dùng cho vật nuôi nhập khẩu	☐

Chúng tôi đề nghị nhập khẩu các loại vắc xin, vi sinh vật dùng trong thú y sau đây:

TT	Tên sản phẩm	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Số ĐKLH	Đơn vị tính	Số lượng nhập	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8

Tổng giá trị đơn hàng:…….....

(Bằng chữ):……

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VBPL-TS24.COM
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 01/TT:</u> ĐƠN ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số .....

……, ngày..... .tháng…… năm ……..

ĐƠN ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG
REGISTRATION APPLICATION OF VARIETY EXPORTATION

Kính gửi: Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

To: Department of Crops Production - MARD

- Tên của tổ chức, cá nhân đăng ký nhập khẩu giống:

(Name of the Organization, individual applying the registration for variety exportation):

- Địa chỉ (Address):

- Điện thoại, Fax, Email (Tel, Fax, Email):

- Thông tin về giống nhập khẩu: Basic information on variety

TT	Tên giống (Variety Name)	Tên khoa học (Scientific name)	Loại hình (hạt, cây, hom, mắt ghép…) Material: (seeds, plan, cutting, budwood…)	Đơn vị Tính (Unit)	Số lượng nhập (The quantity of importation)	Nơi xuất (original of exportation)
	Tổng (total)					

- Lần xuất khẩu (export time): ☐Lần đầu (first) ☐Lần thứ (next)……

- Mục đích xuất khẩu (Purposes of exportation):

☐ Nghiên cứu (Research)
☐ Khảo nghiệm (Evaluation)
☐ Sản xuất thử (Test production)
☐ Quà tặng (Gift)
☐ Hội trợ, Triển lãm (Exhibition)
☐ Hợp tác quốc tế (International Cooperation)
☐ Mục đích khác (Other Purposes): .....

- Quy mô, địa điểm dự kiến gieo trồng: (nếu nhiều giống, lập Danh sách kèm theo):

Estimation for planting scale and location: (If more than one variety, a variety list needs to be attached)

- Cửa khẩu xuất (Border/gate for exportation):.....

- Thời hạn xuất khẩu (permited time of exportation).....

- Kèm theo đây là các tài liệu liên quan (Attached with related documents):

☐ Tờ khai kỹ thuật (Technical Declaration)

VBLIS24.COM
www.LIS24.com.vn

☐ Giấy chứng nhận ĐKKD (Certificate of Business Registration)

☐ Giấy chứng nhận Đầu tư (……..)

☐ Giấy tờ khác (Other papers)……..

- Chúng tôi xin cam kết (engagements): Báo cáo kết quả xuất khẩu giống về Cục Trồng trọt.

(Exportation result report of the variety to the Department of Crop Production)

Đề nghị Cục Trồng trọt xem xét và giải quyết./.

(Proposal and submittment to the Department of Crop Production. /.)

....., ngày..... tháng..... năm .....

Date, …….

Thương nhân xin đăng ký

(Ký tên, đóng dấu) Organization/individual of registration (Signed,Sealed)

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 02/TT:</u> TỜ KHAI KỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TỜ KHAI KỸ THUẬT
Technical Declaration

(Kèm theo Đơn đăng ký xuất khẩu số…… ngày… tháng…. năm…) (Enclosed with the registrating application form on the export of number... ... ...day. month. year)

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân (Information of Organization, individual)

- Tên của tổ chức, cá nhân đăng ký xuất khẩu giống:

(Name of Organization, individual of registration to export plant variety):

- Địa chỉ (Address): .....

- Điện thoại, Fax, Email (Tel, Fax, Email):……

2. Thông tin về giống (Basic Information of the variety)

- Tên giống: (Name of variety)

+ Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt, nếu cây trồng chưa có ở Việt

Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa:

(Variety names in Vietnamese. If those are not available in Vietnam, named in English or Latin as well as the original name):

+ Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ):

(Scientific name – exactly to spicy, family and group):

- Đặc điểm thực vật học chủ yếu (Main botanical characteristics):

+ ☐ Cây trồng lâu năm (Perennial crops)

+ ☐ Cây trồng hàng năm (Annual crops)

+ Miêu tả rõ đặc điểm thực vật học của cây (thân, lá, rễ, hoa quả…); giá trị

sử dụng của cây; cách chế biến, sử dụng để làm gì: (Description of botanical characteristics (stem, leaf, flower, roots and fruits, …); using value; processing method, using purpose)

- Bộ phận sử dụng (Part used):

☐ Thân (stem) ☐ Lá (leaves) ☐ Rễ (root) ☐ Củ (tuber) ☐ Hoa (flower)

☐ Quả (fruit) ☐ Hạt (seed)

- Giá trị sử dụng (Using value):

☐ Làm lương thực, thực phẩm (Food)

☐ Làm dược liệu (Medical) ☐ Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)

☐ Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến (raw materials for processing industry)

☐ Cải tạo môi trường (Environmental improvement)

☐ Các giá trị khác (ghi rõ) (The other value (specified):

3. Cảnh báo các tác hại: Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng xuất khẩu đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có)

VBPL247CORP
www.TS247.com.vn

(Warnings: Specifying the negative impact of exported plants to ecological environment, including soil, water, other organisms and human health (if yes))

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này.

(We are egaging and undertaking full responsibility for the accurate and truth of the information provided in this declaration form)

....., ngày..... tháng..... năm .....
Date, …….
Thương nhân xin đăng ký
(Ký tên, đóng dấu) Organization/individual of registration
(Signed,Sealed)

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 03/TT:</u> ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số .....

……, ngày..... .tháng…… năm ……

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG
REGISTRATION APPLICATION OF VARIETY IMPORTATION

Kính gửi: Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

To: Department of Crops Production - MARD

- Tên của tổ chức, cá nhân đăng ký nhập khẩu giống:

(Name of the Organization, individual applying the registration for variety importation):

- Địa chỉ (Address):

- Điện thoại, Fax, Email (Tel, Fax, Email):

- Thông tin về giống nhập khẩu: Basic information on variety

TT	Tên giống (Variety Name)	Tên khoa học (Scientific name)	Loại hình (hạt, cây, hom, mắt ghép…) Material: (seeds, plan, cutting, budwood…)	Đơn vị Tính (Unit)	Số lượng nhập (The quantity of importation)	Nơi xuất (original of exportation)
	Tổng (total)					

- Lần nhập khẩu (import time): ☐Lần đầu (first) ☐Lần thứ (next)……

- Mục đích nhập khẩu (Purposes of importation):

☐ Nghiên cứu (Research)
☐ Khảo nghiệm (Evaluation)
☐ Sản xuất thử (Test production)
☐ Sản xuất hạt lai F1(F1 seed production)
☐ Quà tặng (Gift)
☐ Triển lãm (Exhibition)
☐ Hợp tác quốc tế (International Cooperation)
☐ Thực hiện Dự án đầu tư (Implementation of investment projects)
☐ Mục đích khác (Other Purposes): .....

- Quy mô, địa điểm dự kiến gieo trồng: (nếu nhiều giống, lập Danh sách kèm theo):

Estimation for planting scale and location: (If more than one variety, a variety list needs to be attached)

- Cửa khẩu nhập (Border/gate for importation):.....

- Thời hạn nhập khẩu (permited time of importation).....

- Kèm theo đây là các tài liệu liên quan (Attached with related documents):

☐ Tờ khai kỹ thuật (Technical Declaration)

☐ Giấy chứng nhận ĐKKD (Certificate of Business Registration)

☐ Văn bản cho phép sản xuất thử (…….)

☐ Giấy tờ khác (Other papers)

- Chúng tôi xin cam kết (engagements):

+ Giống cây trồng đăng ký nhập khẩu trên không phải là cây trồng biến đổi gen (GMO); không thuộc nhóm cây có chứa chất ma tuý; không gây hại cho sức khoẻ con người và môi trường sinh thái.

(This varieties registrated for importation are not GMO or belong to the group of opium containing plants; not be harmful to human health and ecological environment).

+ Báo cáo kết quả nhập khẩu và kết quả sử dụng giống về Cục Trồng trọt.

(Evaluation and importation result report of the variety to the Department of Crop Production)

Đề nghị Cục Trồng trọt xem xét và giải quyết./.

(Proposal and submittment to the Department of Crop Production. /.)

....., ngày..... tháng..... năm .....
Date, …….
Thương nhân xin đăng ký
(Ký tên, đóng dấu) Organization/individual of registration (Signed,Sealed)

VBPL-TS24COM
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 04/TT:</u> TỜ KHAI KỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TỜ KHAI KỸ THUẬT
Technical Declaration

(Kèm theo Đơn đăng ký nhập khẩu số…… ngày… tháng…. năm…) (Enclosed with the registrating application form on the import of number... ... ...day. month. year)

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân (Information of Organization, individual)

- Tên của tổ chức, cá nhân đăng ký nhập khẩu giống:

(Name of Organization, individual of registration to import plant variety):

- Địa chỉ (Address): .....

- Điện thoại, Fax, Email (Tel, Fax, Email):……

2. Thông tin về giống (Basic Information of the variety)

- Tên giống: (Name of variety)

+ Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt, nếu cây trồng chưa có ở Việt

Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa nơi nhập về:

(Variety names in Vietnamese. If those are not available in Vietnam, named in English or Latin as well as the original name):

+ Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ):

(Scientific name – exactly to spicy, family and group):

- Đặc điểm thực vật học chủ yếu (Main botanical characteristics):

+ ☐ Cây trồng lâu năm (Perennial crops)

+ ☐ Cây trồng hàng năm (Annual crops)

+ Miêu tả rõ đặc điểm thực vật học của cây (thân, lá, rễ, hoa quả…); giá trị

sử dụng của cây; cách chế biến, sử dụng để làm gì: (Description of botanical characteristics (stem, leaf, flower, roots and fruits, …); using value; processing method, using purpose)

- Bộ phận sử dụng (Part used):

☐ Thân (stem) ☐ Lá (leaves) ☐ Rễ (root) ☐ Củ (tuber) ☐ Hoa (flower)

☐ Quả (fruit) ☐ Hạt (seed)

- Giá trị sử dụng (Using value):

☐ Làm lương thực, thực phẩm (Food)

☐ Làm dược liệu (Medical) ☐ Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)

☐ Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến (raw materials for processing industry)

☐ Cải tạo môi trường (Environmental improvement)

☐ Các giá trị khác (ghi rõ) (The other value (specified):

3. Kỹ thuật gieo trồng (đối với giống cây trồng nhập khẩu lần đầu)

Growing techniques (for the first importation):

VBLTS24.COM.VN

- Yêu cầu điều kiện sinh thái (vĩ độ, nhiệt độ, đất đai...)

Required ecological conditions (latitude, temperature, land ...)

- Thời vụ trồng (Planting season)

- Mật độ, lượng giống/ha: (Density, quantity of seed applied per hectare)

- Sâu bệnh hại chính (The main diseases and insects)

4. Cảnh báo các tác hại: Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng nhập khẩu đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có)

(Warnings: Specifying the negative impact of imported plants to ecological environment, including soil, water, other organisms and human health (if yes))

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này.

(We are egaging and undertaking full responsibility for the accurate and truth of the information provided in this declaration form)

....., ngày..... tháng..... năm .....
Date, …….
Thương nhân xin đăng ký
(Ký tên, đóng dấu) Organization/individual of registration
(Signed,Sealed)

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 05/TT:</u> ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU PHÂN BÓN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom - Happiness

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU PHÂN BÓN
REGISTRATION APPLICATION TO IMPORT FERTILIZER

Kính gửi: Cục Trồng trọt
To: Department of Crop Production

1. Tên, địa chỉ, điện thoại, Fax của Thương nhân đăng ký nhập khẩu
(Name, address, tel., Fax of Organization, individual of registration for import):

2. Tên phân bón/nguyên liệu sản xuất phân bón
(Name of fertilizer/raw materials to produce fertilizer):

3. Số lượng nhập khẩu (Total quantity of import: ton/kg/lit):

4. Nhà sản xuất và nước xuất khẩu phân bón/nguyên liệu:
(Fertilizer/raw materials imported from which country and Producer):

5. Mục đích nhập khẩu (Purposes of import):

☐ Để khảo nghiệm (For testing)
☐ Chăm sóc sân thể thao (Care for sports field)
☐ Cho khu vui chơi giải trí (Use for park/garden...)
☐ Phục vụ sản xuất (For production)
☐ Sử dụng trong các Dự án đầu tư (for projects)
☐ Quà tặng (Gift)
☐ Hàng mẫu (Samples)
☐ Hàng hội chợ, triển lãm (Sample for fairs or exhibitions)
☐ Phục vụ nghiên cứu khoa học (For scientific research)
☐ Làm nguyên liệu sản xuất phân bón (As raw materials to produce fertilizer)

6. Thời gian nhập khẩu (Time of Import):

7. Cửa khẩu nhập khẩu (Border/gate for import):

8. Các tài liệu nộp kèm theo (Materials attached):

VBLTS24.COM
WWW.TS24.COM.VN

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến phân bón nhập khẩu (We commit to fulfil all the regulations according to the law in force concerned to import fertilizer).

Khi cần liên hệ theo địa chỉ: …, điện thoại: …, Fax: …., E-mail:….

(Please contact to address:…., telephone:…., Fax:…., E-mail:……):

Ngày (date) tháng (month) năm (year) ….

Thương nhân xin đăng ký

(Ký tên, đóng dấu)

Organization/individual of registration

(Signed,Sealed)

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 06/TT:</u> TỜ KHAI KỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TỜ KHAI KỸ THUẬT
Technical Declaration

1. Tên phân bón, tên thương mại:
(Name of fertilizer, brand name)
Tên khác (Other name):
2. Nước sản xuất (Produced from which country):
3. Loại phân bón (Kind of fertilizers)

Vô cơ hoá học (Chemical inorganic)	☐	Vô cơ tự nhiên (Natural inorganic)	☐
Hữu cơ (Organic)	☐	Hữu cơ khoáng (Mineral organic)	☐
Sinh học (Bio-fertilizer)	☐	Hữu cơ sinh học (Bio-organic)	☐
Hữu cơ vi sinh (Micro-organic)	☐	Phân vi sinh vật (Microorganism fertilizer)	☐
Có bổ sung chất điều tiết sinh trưởng (Fertilizer with supplementation of growth regulating substance)	☐	Có chất tăng hiệu suất sử dụng (with substance increasing efficient use of fertilizer)	☐
Có chất giữ ẩm (with moisture keeping substance)	☐	Có khả năng tăng miễn dịch cây trồng (with substance increasing the immune of crops)	☐
Đất hiếm (rare earth fertilizer)	☐	Chất cải tạo đất (Soil conditioner)	☐
Loại khác (Others) (ghi rõ loại/specify)			☐

4. Cách bón (Methods of applying**):**
Phân bón rễ (Root fertilizer) ☐
Phân bón lá (Foliar Fertilizer) ☐
5. Dạng phân bón (Form of fertilizer):
Dạng lỏng (Liquid) ☐ Dạng viên (Tablet) ☐ Dạng bột (Powder) ☐
Dạng hạt (Grain) ☐ Dạng khác, ghi rõ dạng gì (Others, specify): .....
6. Mầu sắc (Color): ..... Mùi phân bón (Odour):.....
7. Bao bì, ghi rõ loại bao bì, khối lượng hoặc dung tích
(Packing, specify type of packing, quantity or capacity):
8. Thành phần, hàm lượng các chất dinh dưỡng đăng ký trên bao bì (Components, contents of nutrition substances registered on packing)

Tên phân bón/chỉ tiêu dinh dưỡng (Name of fertilizer/nutrition criteria)	Đơn vị tính (Unit)	Hàm lượng các chất dinh dưỡng đăng ký trên bao bì, nhãn... (Contents of nutrition registered on packing)
Ví dụ (For example): Phân hữu cơ khoáng (Mineral organic)		
Hữu cơ (HC)	%	18.0
N_{ts}	%	3.0
P_2O_{5hh}	%	2.5

K_2O	%	3.0

Trường hợp chỉ tiêu các chất dinh dưỡng chưa có tiêu chuẩn Việt Nam hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp phân tích nhà nhập khẩu cần nêu rõ phương pháp phân tích đối với từng chỉ tiêu (in case, Vietnam Standards or National technical regulation on methods of analysis for nutrient indicators have not been issued yet, the importer has to declare the method for analysis, specifically).

9. Các yếu tố hạn chế có trong phân bón (limiting substances)

Các yếu tố/Substances	Đơn vị tính/Unit	Hàm lượng/Content
Asen (Arsenic-As)		
Cadimi (Cadmium-Cd)		
Chì (Lead-Pb)		
Thuỷ ngân (Mercury-Hg)		
Biuret trong Urê (Biuret in Urea)		
Axit tự do trong supe lân (Free Acid in supe phosphate)		
Vi khuẩn *Salmonella*		
Vi khuẩn *E. coli*		
Các yếu tố khác theo quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật (Other substances according to regulation or Vietnam standards)		

10. Hướng sử dụng (Direction using)

- Cây trồng sử dụng (Crop applied):
- Liều lượng sử dụng/đơn vị diện tích, ghi rõ cho từng loại cây trồng:

(Dosage use/unit of land, specify for each type of crops)

- Diện tích sử dụng ghi rõ cho từng loại cây trồng (Area applied, specify for each type of crops)
- Thời kỳ bón (Stage applied):
- Công dụng chính (Main use):
- Các lưu ý khác trong quá trình sử dụng (Other notes during use):

11. Các cảnh báo tác động xấu đến sức khoẻ, môi trường (nếu có)

(Wanrings of negative impacts on health, environment (if any))

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến phân bón nhập khẩu.

(We commit and take responsibility for the accuracy, honesty of information in this technical declaration and commit to fulfill the provisions of existing laws related to the imported fertilizers.)

Thương nhân xin đăng ký
(Ký tên, đóng dấu)
Organization/individual of registration
(Signed,Sealed)

<u>Mẫu số 07/TT:</u> ĐƠN ĐĂNG KÝ XUẤT/NHẬP KHẨU NGUỒN GEN CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên thương nhân **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐƠN ĐĂNG KÝ XUẤT/NHẬP KHẨU NGUỒN GEN CÂY TRỒNG
(REGISTRATION APPLICATION FOR EXPORT/IMPORTOF PLANT GENETIC RESOURCES)

Kính gửi: Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
To: Department of Crop Production - MARD

1. Tên của tổ chức, cá nhân đăng ký nhập khẩu giống:

(Name of Organization, individual of registration for importration variety):

2. Địa chỉ (Address):

Điện thoại, Fax, Email (Tel, Fax, Email):

3. Tên nguồn gen đề nghị xuất/nhập khẩu

(Names of Genetic Resources proposed to import / export):

4. Nguồn gen xuất khẩu thuộc Danh mục nào dưới đây (đối với việc xuất khẩu nguồn gen): (Exporting of genetic resources on the list of the following (for the export of genetic resources)

☐ Danh mục giống cây trồng quý hiếm cấm xuất khẩu;

(The list of rare plants that are banned to export)

☐ Danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm trao đổi quốc tế trong trường hợp đặc biệt; (The list of rare plant genetic resources for international exchange in special cases)

☐ Danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm hạn chế trao đổi quốc tế;

(The list of rare plant genetic resources for international exchange restrictions)

☐ Không thuộc các Danh mục trên. (Does not belong to the above lists).

5. Mục đích xuất/nhập khẩu nguồn gen (The purpose of export /import of genetic resources):

☐ Phục vụ hợp tác nghiên cứu khoa học (ghi rõ nhằm thực hiện Đề tài, Dự án, Chương trình hợp tác quốc tế nào)

For study purpose (describe cleary the title of the program, project or international cooperation program)

☐ Làm vật liệu lai tạo giống (Breeding materials)

☐ Mục đích khác (ghi cụ thể) (Other purposes):

6. Tên tổ chức, cá nhân nước tiếp nhận nguồn gen

(Name of individual receiving genetic resources):

7. Tóm tắt số lượng nguồn gen cây trồng quí hiếm xuất/nhập: (chi tiết được trình bày ở phần lý lịch nguồn gen cây trồng quí hiếm) Summary of the number of rare plant genetic resources imported/ exported (details provided in the list of rare plant genetic resources)

8. Thời gian xuất/nhập: (Imported/exported time)

9. Cửa khẩu xuất/nhập: (Imported/exported through border/gate)

10. Cam đoan (Engagements)

a. Đối với đơn xin xuất khẩu:..... Xin cam đoan nguồn gen cây trồng xin xuất trên đây không phải là những nguồn gen quí hiếm thuộc bí mật quốc gia. (Application for exported……engagements to plant genetic resources of the above are not the rare genetic resources under national secrets)

b. Đối với đơn xin nhập khẩu:..... Cam kết nguồn gen cây trồng trên đây không phải là sinh vật biến đổi gen (GMO); không gây hại cho sức khoẻ con người và không ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái.

Importing application form :..... engagements to plant genetic resources of the above list are not (GMO, not be harmful to human health and ecological environment

11. Kèm theo đây là tài liệu tóm tắt thông tin về nguồn gen cây trồng xuất/nhập khẩu. (Enclosed attachment is a summary document of information on plant genetic resources export / import)

Kính đề nghị Cục xem xét giải quyết./.

Proposal and submittment to the Department of Crop Production./.

Thương nhân xin đăng ký
(Ký tên, đóng dấu)
Organization/individual of registration
(Signed,Sealed)

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 08/TT:</u> THÔNG TIN VỀ NGUỒN GEN CÂY TRỒNG ĐỀ NGHỊ XUẤT (HOẶC NHẬP KHẨU)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

THÔNG TIN VỀ NGUỒN GEN CÂY TRỒNG ĐỀ NGHỊ XUẤT (HOẶC NHẬP)
INFORMATION OF THE PLANT GENETIC SOURCE PROPOSED TO BE EXPORTED/IMPORTED

(Kèm theo Đơn số: ngày tháng năm 20) Enclosed with the letter No. ……date……..)

TT	Tên nguồn gen xuất/nhập[1]	Tên khoa học	Thuộc loài	Nguồn gốc[2]	Tháng, năm thu thập, nhập nội, lai tạo	Cơ quan đang lưu giữ giống	Vật liệu trao đổi	
							Thể loại[3] (cây, mắt ghép, hạt, củ, quả, hom….)	Số lượng
1		Scientific name	Species	Original	Date collected, imported, created	Conservation Organization	Material: seeds, budwood, plant, cuttings…)	Quantity of import/export
…								

[1] Nguồn gen thuộc (Genetic source belonged to):

☐ Danh mục nguồn gen (giống) cây trồng quý hiếm cấm xuất khẩu (ban hành kèm theo Quyết định số…, ngày… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT) (List (variety) of the special crops forbidden to be exported)

☐ Danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm trao đổi quốc tế trong trường hợp đặc biệt (ban hành kèm theo Quyết định số… ngày… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT); (List of special crops that can be exchange internationally only in special case (promulgating enclosed with the Decree No. ……of Minister of Ministry of the Agriculture and Rural Development)

☐ Danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm hạn chế trao đổi quốc tế (ban hành kèm theo Quyết định số…, ngày… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT); (List of special crops that are limited to be exchanged internationally)

☐ Không thuộc các Danh mục trên (Not belong to above list)

[2] - Nguồn gen thu thập trong nước: Huyện, tỉnh nơi thu thập. (Crops source collected in Vietnam)

- Nguồn gen nhập nội: Nhập từ cơ quan quốc tế hoặc vùng lãnh thổ nào. (Imported crops – from where it is imported)

- Nguồn gen lai tạo trong nước: Tên tổ hợp lai và thế hệ (F) nào. (Released in country: name of crossing lines and generation)

[2] *- Nguồn gen trao đổi bằng hạt: Số gam hoặc số hạt. (Genetic source exchanged by true seed: weight or number of seed)*

- Nguồn gen trao đổi bằng các bộ phận khác: số cây, mắt ghép, hom, củ, quả, ống nghiệm (với nguồn gen lưu giữ in-vitro).

(Genetic source exchanged by other parts of the plants: number of plants, haulm, tuber, pod….or number of tubes- used for the genetic sources conservated by in-vitro.

<u>Mẫu số 09/TT:</u> ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG BIẾN ĐỔI GEN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số .....

……, ngày..... .tháng…… năm ……

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG BIẾN ĐỔI GEN
REGISTRATION APPLICATION OF GM VARIETY IMPORTATION

Kính gửi: Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

To: Department of Crops Production - MARD

- Tên của tổ chức đăng ký nhập khẩu:

(Name of the Organization applying the registration for GM variety importation):

- Địa chỉ (Address):

- Điện thoại, Fax, Email (Tel, Fax, Email):

- Thông tin về giống nhập khẩu: Basic information on GM variety

TT	Tên giống (Variety Name)	Tên khoa học (Scientific name)	Loại hình (hạt, cây, hom, mắt ghép…) Material: (seeds, plan, cutting, budwood…)	Đơn vị Tính (Unit)	Số lượng nhập (The quantity of importation)	Nơi xuất (original of exportation)
Tổng (total)						

- Lần nhập khẩu (import time): ☐Lần đầu (first) ☐Lần thứ (next)……

- Mục đích nhập khẩu (Purposes of importation):

☐ Khảo nghiệm (Evaluation)
☐ Sản xuất thử (Test production)
☐ Mục đích khác (Other Purposes): .....

- Cửa khẩu nhập (Border/gate for importation):.....

- Thời hạn nhập khẩu (permited time of importation).....

- Kèm theo đây là các tài liệu liên quan (Attached with related documents):

☐ Tờ khai kỹ thuật (Technical Declaration)

☐ Giấy chứng nhận ĐKKD (Certificate of Business Registration)

☐ Giấy chứng nhận đầu tư (Certificate of Investment)

☐ Giấy tờ khác (Other papers) ……

- Chúng tôi xin cam kết (engagements):

+ Giống cây trồng biến đổi gen đăng ký nhập khẩu trên không thuộc nhóm cây có chứa chất ma tuý; không gây hại cho sức khoẻ con người và môi trường sinh thái.

(This GM varieties registered for importation are not belong to the group of opium containing plants; not be harmful to human health and ecological environment).

+ Báo cáo kết quả nhập khẩu và kết quả sử dụng giống biến đổi gen về Cục Trồng trọt.

(Evaluation and importation result report of the GM variety to the Department of Crop Production)

Đề nghị Cục Trồng trọt xem xét và giải quyết./.

(Proposal and submittment to the Department of Crop Production. /.)

Tổ chức đăng ký
(Organizations of registration)
(ký tên, đóng dấu)
(Signature and Sealed)

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn

<u>Mẫu số 10/TT:</u> TỜ KHAI KỸ THUẬT GIỐNG CÂY TRỒNG BIẾN ĐỔI GEN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TỜ KHAI KỸ THUẬT
Technical Declaration

(Kèm theo Đơn đăng ký nhập khẩu số…… ngày… tháng…. năm…) (Enclosed with the registrating application form on the import of number... ... ...day. month. year)

1. Thông tin về tổ chức đăng ký nhập khẩu giống (Information of Organization)

- Tên của tổ chức đăng ký nhập khẩu giống:

(Name of the Organization applying the registration for GM variety importation):

- Địa chỉ (Address):

- Điện thoại, Fax, Email (Tel, Fax, Email):

- Thông tin về giống nhập khẩu: Basic information on GM variety

2. Thông tin về giống (Basic Information of the GM variety)

- Tên giống: (Name of GM variety)

+ Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt, nếu cây trồng chưa có ở Việt

Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa nơi nhập về:

(Variety names in Vietnamese. If those are not available in Vietnam, named in English or Latin as well as the original name):

+ Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ):

(Scientific name – exactly to spicy, family and group):

- Đặc điểm thực vật học chủ yếu (Main botanical characteristics): Miêu tả rõ đặc điểm thực vật học của cây (thân, lá, rễ, hoa quả…); giá trị sử dụng của cây; cách chế biến, sử dụng để làm gì: (Description of botanical characteristics (stem, leaf, flower, roots and fruits, …); using value; processing method, using purpose)

- Bộ phận sử dụng (Part used):

☐ Thân (stem) ☐ Lá (leaves) ☐ Rễ (root) ☐ Củ (tuber) ☐ Hoa (flower)

☐ Quả (fruit) ☐ Hạt (seed)

- Giá trị sử dụng (Using value):

☐ Làm lương thực, thực phẩm (Food)

☐ Làm dược liệu (Medical) ☐ Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)

☐ Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến (raw materials for processing industry)

☐ Cải tạo môi trường (Environmental improvement)

☐ Các giá trị khác (ghi rõ) (The other value (specified):

3. Kỹ thuật gieo trồng

Growing techniques

- Yêu cầu điều kiện sinh thái (vĩ độ, nhiệt độ, đất đai...)

Required ecological conditions (latitude, temperature, land ...)

- Thời vụ trồng (Planting season)

- Mật độ, lượng giống/ha: (Density, quantity of seed applied per hectare)

- Sâu bệnh hại chính (The main diseases and insects)

4. Cảnh báo các tác hại: Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng nhập khẩu đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có)

(Warnings: Specifying the negative impact of imported GM variety to ecological environment, including soil, water, other organisms and human health (if yes))

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này.

(We are egaging and undertaking full responsibility for the accurate and truth of the information provided in this declaration form)

....., ngày..... tháng..... năm .....
Date, …….
Tổ chức xin đăng ký
(Organizations of registration)
(ký tên, đóng dấu)
(Signature and Sealed)

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn